

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

DUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bình

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Báo-Sở
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỀN

Có nhiều vị viết thư về hỏi về nội dung bộ Tự-điền của bản-quán đang in. Vậy xin trả lời chung lên báo. Đề các Quý giáo-hữu cùng biết rõ: Bộ Tự-điền này tra theo từng bộ mẫu như dưới đây,

厶 Khâu 1: Cái gò, tức là đồng đất nhỏ; 2: phép tính-điền ngày xưa chia bốn tính là ấp, bốn ấp là **khâu** -; 3: Hợp, ngày xưa gọi sách địa-dư là **cửu khâu** 九 - nghĩa là các thứ trong chín khâu đều hợp cả ở đây; 4: Nhón, xưa gọi chị dâu trưởng là **Khâu tâu** - 嫂; 5

Tên đức Khổng-tử, vì thế nên sách nhà Hán đổi chữ 丘 làm 邱. Một âm là **khiêu**, như **tỉ-khiêu** 杞丘 dịch âm tiếng Phạm, người tu đạo Phật đã chịu đủ 250 giới luật, lần lượt đến các nhà xin ăn, trên cầu tu cho thành Phật, dưới hóa độ cho chúng-sinh.

Quý danh của các vị đã đặt trước

M. Hà Chương cần-thơ 5 bộ	35\$00
— Phạm Cừu quảng-ngãi 2 bộ	14,00
— Trần-văn-Sung Hadong 1—	7,00
— Nguyễn-quang-Xuân Mỹ-hảo 1—	7,00
— Đặng-Vinh Trung-phụng 1—	8,00
— Thanh Trợ Hadong 1—	8,00
— Thanh-Vinh - 1—	8,00
— Thanh-An Phúc-yên 1—	7,00
M. Phạm-văn-Thanh Mộc-cày	7\$00
— Trịnh-tin Trung-an	8,00
— Nguyễn-văn-An	7,00
— Thanh Hợi	7,00
— Ký-Lan	7,00
— Dương-xuân-Thọ	7,00

Lược khảo về cái nghĩa xuất-gia

1. — Danh loại Xuất gia

Phật-học uyên-thâm, danh từ đã nhiều mà nghĩa-lý lại bao la rất rộng. Nói riêng về một chữ xuất-gia mà lại có những tên như Sa-môn, Tăng-già, Tỷ-khiêu, Chùy y, Hòa-thượng, Đầu-dà nữa. Lại còn có năm chủng xuất-gia khác nhau, lại có hai thứ xuất-gia, ba thứ xuất-gia, bốn thứ xuất-gia khác nhau nữa. Nay hãy giải-thích các tên đã liệt ở trên như sau này:

Sa-môn, trước dịch âm là Sa-môn hay là Ta-môn Tang-môn, Tăng-môn, Tàu dịch nghĩa là tức-tâm, Tịnh-chi, Bần-đạo v.v, gần nay lại dịch là Thất-ma-na-noa là Sa-ra-ma-nou, là Sa-ca-mãn-nang, dịch nghĩa là công-lao, cần-tức, là chăm chỉ cố gắng tu Phật đạo v.v. Tóm lại đều là cái tên gọi người xuất-gia vậy. Kinh A-hàm nói rằng: «Là bỏ ăn ái xuất-gia tu đạo, thu nhiếp mọi căn, không nhiễm sự ham muốn ở ngoài, đối với hết thảy mọi loài bằng một tâm lòng lạnh, không làm thương hại ai, gặp sự vui không thích, gặp sự khổ không buồn, đức hạnh như đất, vì thế nên gọi là Sa-môn». Kinh Tứ-thập nhị-chương nói rằng: «Từ biệt cả thân-thuộc xuất-gia, tổ được cõi nguồn tâm tịnh, hiểu pháp vô-vi, gọi là Sa-môn». Luận Câu-xá nói rằng: «Tất cả mọi đạo viên-mãn vô-lậu là tính Sa-môn, người nào tu được đạo ấy gọi là Sa-môn, vì hay chăm chỉ gắng gỏi, dập tắt được phiền não». Ngài Tuệ-viễn Đại-sư nói rằng: «Ồi! Sao lại gọi là Sa-môn? nghĩa là hay mở cái chỗ u mê cho kẻ tục và chỉ bảo con đường huyền diệu, giáo-hóa ở mặt ngoài».

Tăng-già. Tăng-già là tiếng phạm, nói lược là Tăng, Tàu dịch là hòa-hợp chúng, nghĩa là số đông các Tỷ-khiêu hòa-hợp cùng ở một nơi vậy. Luận Tri-độ nói

rằng: « Tăng-già đời Tần dịch là Chúng, các Tỷ-khiêu hòa-hợp ở một nơi nên gọi là Tăng-già ». Bộ Đại-thừa nghĩa chú giải nói rằng: « chữ Tăng, 增, là tiếng nước ngoài, gọi là Tăng-già, phương này phiên-dịch là hòa-hợp ». Kinh Báo-án chép rằng: « Tăng chung là cái ruộng phúc thoát ra ngoài tam-giới, nghĩa là Tỷ-khiêu có đủ giới thể, giới là cái gốc sinh ra muôn điều lành, vì thế người đời quy tín, cúng dàng giồng phúc, như thể ruộng tốt, cấy lúa cũng tốt, vì thế gọi là ruộng phúc tốt ». Luật Tứ-phận hành sự sao nói: « Bốn người trở lên, hay giữ được pháp thánh, làm xong được các trên thế gọi là Tăng. Tăng nghĩa là hòa-hợp. Hòa-hợp có hai nghĩa: 1) Lý-hòa, nghĩa là chúng được phép trạch-diệt. 2) Sự hòa, gồm có sáu nghĩa: 1) Giới hòa cùng tu. 2) Kiến hòa cùng hiểu. 3) Thân hòa cùng ở. 4) Lợi hòa cùng chia. 5) Miệng hòa không tranh. 6) Ý hòa cùng vui ». Ôi Tăng là một tiếng gọi đồng các Tỷ-khiêu, không phải một vị Tỷ-khiêu có thể gọi là Tăng được, như chuyện Nam-hải ký-quy chép rằng: « Phạm có thư từ đi lại để là Cầu-tịch mỗ, Tiêu-bật-số mỗ, không có thể xưng là Tăng mỗ được. Tăng là Tăng-già, gọi cả đại-chúng. sao kêu một mình mà như cả bốn người. phương Tây không có phép thế ». Thế thời bốn người trở lên mới được gọi là Tăng. Xong một vị Tỷ-khiêu là một phần trong Tăng, cũng có thể gọi là Tăng được. Như Tăng-sử lược chép rằng: « nếu nói một chữ Tăng, thời bốn người trở lên mới được dùng. đến nay phân tách ra, một người gọi là Tăng, cũng không sai lẽ lắm, cũng như một vạn hai nghìn năm trăm người là một quân, một người cũng gọi là quân. chữ Tăng cũng thế ». Nay thường có người đem chữ Tăng đời cho là họ của người xuất-gia, thế là lầm lắm! Ôi, người xuất-gia học Phật làm đệ-tử Phật, Phật họ Thích-Ca. đệ-tử cũng theo thế thì là phải, Ngài Đạo-an Pháp-sư đời nhà Tấn nói rằng: « Sư chớ quá Phật, phạm người xuất-gia đều nên gọi là họ Thích ». Sau đó

kinh Tăng-nhất A-hàm truyền sang có đoạn nói rằng : « Bốn họ đi xuất-gia chỉ gọi là họ Thích chứ có dùng họ cũ », vì thế lại nói ví dụ rằng : « Nước bốn sông chảy vào bể, cùng một vị mặn, bốn họ đi xuất-gia, cùng gọi là họ Thích ».

Tỷ-khiêu, nguyên là tiếng Phạm, trước dịch là Tỷ-khiêu bậy giờ dịch là Bất-sô Bức-sô, Tàu dịch là Khất-sĩ, trừ sĩ, là Trừ-cận-nam, Phá-phiền-não, phổ-ma, Huân-sĩ, Đạo sĩ v v. đều là các tên gọi người xuất-gia làm đệ-tử Phật đã thụ-giới Cụ-túc cả. Luận Trì-độ nói rằng : « Vì sao gọi là Tỷ-khiêu, Tỷ-khiêu nghĩa là khất-sĩ, sống bằng cách trong sạch, nên gọi là Khất-sĩ ». Lại nữa « Tỷ là phá, khiêu là phiền-não, hay phá tan phiền-não, vì thế nên gọi là Tỷ-khiêu », Lại nữa : khi thụ giới tự nói rằng « Con Tỷ-khiêu tên là mỗ, xin giữ giới suốt đời, vì thế gọi là Tỷ-khiêu ». Lại nữa. « Tỷ là phổ, khiêu là ma, hay làm cho ma-vương và dân ma sợ, nên cắt tóc, đi xuất-gia, mặc áo nâu sồng, thụ giới Tỷ-khiêu lúc đó ma nó sợ. Vì sao mà nó sợ, mà nó nói rằng, người ấy tất được vào Nát-bàn ». Bài chú kinh Duy-ma nói rằng ; « Tỷ-khiêu là tiếng nhà Tần dịch, hoặc gọi là Tăng khất thực, hoặc tên là Phá-phiền-não, hoặc gọi là Tịnh-tri giới, hoặc kêu là Phổ-Ma, một danh từ bên thiên-trúc cai cả bốn nghĩa ấy, nhà Tấn nói: bên này không có một danh từ nào dịch được, vậy phải để nguyên danh từ cũ ». Bộ âm-nghĩa Huyền-ưng chép rằng : « Tỷ-khiêu là tiếng Phạm, phương này dịch là khất sĩ, tức cũng cùng một nghĩa giống với chữ Trừ-cận là trừ sự-đói khát cho sáu căn, sạch cái tham dục như nhuộm vậy. Vì lấy thiện pháp mà huân tu, nên kêu là Huân-sĩ ».

Truy-y, người xuất-gia mặc áo nhuộm đen đen, vì thế kêu là Truy-y, vì thế nên các người xuất-gia gọi là Truy-đồ hoặc gọi là Truy-lưu. Chốn Tùng-lâm của chúng xuất-gia gọi là Truy-lâm. Bộ Thích-thị yển-lâm nói rằng : « Truy-lưu là theo sắc áo mà đặt tên vậy ».

Hòa-thượng. Hòa-thượng là tiếng phạm, hoặc xưng là Hòa-thượng, (về luật tôn dùng chữ Thượng (上) còn phần nhiều lại dùng chữ thượng (上) nguyên là tiếng tục ngữ bên Ấn-độ. gọi thầy là ô-xã, đến các nước Vu-điền thời kêu là Hòa-xà, Hòa-xà v. v. ta kêu là Hòa-thượng, lại là gọi trọ đi rồi vậy. Ngài Lô-thập Tam-tạng phiên nghĩa là lực-sinh, nghĩa là đệ-tử y vào Thầy mới sinh được đạo-lực, bộ Nghiệp-sớ nói rằng : « từ xưa phiên dịch nhiều khi phiên lẫn tiếng đợ Hồ, đợ Hồ học lại tiếng Thiên-trúc, không được đúng tiếng, vì thế có chỗ sai lầm, mà gọi trọ là Hòa-thượng. như người xưa giải là : « Người đứng đầu trong chúng » đó là theo chữ mà giải, không biết rõ đến nguyên âm vậy. Lại có người giải rằng : « phiên là Lực sinh là Đạo-lực của đệ-tử, nhờ Thầy dạy mà sinh thành » ; như thế là được ý xa, mà mất tiếng gần. Ngài Chân-đế giải thích bộ luận Minh-nghĩa, thì kêu là : Ua-ba-đà-ha ; mới học giống tiếng Phạm, nhưng còn trái với Thanh-luận. Tôi thân sam dịch, hỏi đến nguyên-âm, như trên đã thuật mới là đúng tiếng. Ông Ngạn-tôn dịch là : « Uu-ba-đê-gia, mới là gần giống tiếng Phạm. Bộ Huyền-ting âm nghĩa nói rằng : « Hòa-thượng, trong giới kinh Bồ-tát gọi là Hòa-xà, đều là dịch nhầm theo nước Vu-điền cả, chính phải kêu là úc-ba-đê-gia, dịch nghĩa là cận-tụng; vì đệ-tử tuổi còn trẻ không được lia thầy, thường phải theo gần thầy mà học kinh, mà tụng kinh. Lại kêu là úc-ba-đà-gia, dịch nghĩa là thân-giáo », là chính ông thầy dạy mình.

Đầu đà. — Tiếng phạm là Đầu-đà, lại gọi là Đổ-du. Đổ-đa ; dịch nghĩa là Đầu-lầu, Đầu-giản, Cẩn-tây, v. v. nghĩa là rửa sạch các phiền não, là phép tu hành rửa sạch ba thứ tham-chước là ăn mặc, nhà ở vậy. Kinh Thiện-trụ-ý thiên-lữ nói rằng : « Đầu-đà là hạnh rửa sạch sự tham dục, giận dữ, ngu si và sáu món căn nhiễm (lực nháp) vào ở trong ngoài ba cõi ». Bộ Đại-thừa nghĩa-chương nói rằng . « Đầu-đà là tiếng đợ Hồ, đây

dịch là **Đầu-lầu**, là phép tu hành là sự tham-chước theo lối thí dụ mà đặt tên. Như áo bẩn mà rửa thì sạch cái ghét; tu tập hạnh đó hay bỏ được những sự tham chước vì thế gọi là **Đầu-lầu** người xuất-gia hành đạo, nên tu mười hai hạnh đầu-đà, như kinh Đại-phẩm chép rằng: « Mười hai hạnh đầu đà là: 1.) Ở chốn vắng lặng, 2.) thường đi xin ăn. 3.) Đi xin lần lượt, 4.) Mặc áo rẻ rách. 5.) ngày ăn một bữa, 6.) ăn có tiết độ. 7.) Quá chưa không uống nước gạo, 8.) ở nơi tha ma, 9.) Ngủ dưới gốc cây, 10.) ngồi lộ địa, 11.) Thường ngồi không nằm. 12.) Chỉ dùng ba tấm áo ».

Trở lên giải thích xong danh nghĩa xuất-gia. Đây sẽ nói về năm hàng xuất-gia. Xuất-gia có năm hạng khác nhau là Tỷ-khiêu, Tỷ-khiêu-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, hợp lại gọi là năm tên của người xuất-gia.

Tỷ-khiêu tức là đàn ông đi xuất-gia, thụ giới cụ-túc đã giải nghĩa ở trên. Tỷ-khiêu-ni, mới dịch là Bất-sô-ni, tức là đàn bà đi xuất-gia thụ-giới cụ-túc, Nam-tàng kêu là Tỷ-khiêu, nữ-Tàng kêu là Tỷ-khiêu-ny, chữ Ny là tiếng Thiên-chức, nghĩa là đàn bà.

Sa-di, Tàu dịch là Túc-từ, hành từ v. v. nghĩa là chừa các điều ác, làm các điều lành. Nay dịch âm là: « Thất-na-ma-noa lạc ca » dịch nghĩa là Cần sách nam, nghĩa là người đàn ông chăm chỉ gắng gỏi làm các điều bực Đại-tăng đã gắng gỏi vậy. Lại kêu là Thất-na-mạt-ni, dịch nghĩa là Cầu-tịch, là vì muốn cầu cái quả Niết-bán tịch tĩnh. Đó là tiếng thường gọi người đàn ông đi xuất-gia mới thụ mười giới mà chưa thụ giới Cụ-túc. Luật từ-phận hành-sự-sao nói rằng: « Sa-di là tiếng phạm, phương này kêu là Túc-từ, là không đam-nhiễm sự đời, mà từ-bi cứu giúp các sinh-linh ». Bộ Tiết-lớn-ký nói rằng: « Ngài Đường Tam-tạng nói Thất-na-ma-noa-lạc-ca, dịch nghĩa là Cần-sách, cần tức là vị Bất-sô, sách là gắng làm điều người đã gắng. Bộ Năm-hải ký-quy truyện nói rằng: « Thụ mười giới rồi, gọi là Thất-na-mạt-ni. »

dịch nghĩa là Cầu-tịch. Bé nhất từ 7 tuổi đến 13 tuổi, gọi là Khu-ô-sa-di. Luật chép rằng: « trẻ con đi xuất gia Ngái A-nan không dám độ. Phật bảo rằng: nếu hay sua được chìm qua quấy hại thức ăn thì cho độ » Nếu từ 14 tuổi đến 19 tuổi, thì gọi là ứng pháp Sa-di, nghĩa là chnh hợp cái vị Sa di, bởi người đó năm năm y thầy rèn tập đã thuần thục có thể cho tiến lên thụ giới Cụ-túc. Nếu hai mươi tuổi trở lên, đều gọi là Danh tự Sa di, nguyên đã đến ngôi tăng, bởi pháp duyên chưa đến vì thế chỉ có cái danh-tự là Sa di thôi.

Sa-di-ny, nay kêu là Thất-ny-ma-noa-lý-cơ, nhà Đường dịch là Cần sách Nữ, Ny là con gái, là Sa di đàn bà, là tiếng thường gọi người đàn bà đi xuất gia đã thụ mười giới mà chưa thụ giới Cụ-túc.

Thức xoa ma na, trước dịch là Học-pháp-nữ, bây giờ dịch là Chính-học-nữ. Người Sa di ny muốn thụ giới Cụ-túc, phải từ 18 tuổi đến 20 tuổi trong hai năm đó, học riêng về sáu phép: 1) Không dâm. 2) Không ăn trộm. 3) Không sát sinh. 4) Không nói dối. 5) Không uống các thứ rượu. 6) không ăn phi thời. Là để nghiệm có thai hay không và thử chỗ thực hành xem có trình khiết bền chắc không, rồi mới có thể thụ được giới Cụ-túc mà làm Tỷ-khiêu-ni được. Bộ Tứ-phận Luật hành sự sao tư trị nói rằng: « Thức xoa ma na, ta kêu là học pháp nữ. Bởi vì báo chương của đàn bà nặng, tới trong kỳ Tiểu-học, đặt riêng sáu phép phương-tiện, trong hai năm, để nghiệm xem có thai hay không. Làm được sáu phép thời tỏ rõ là người có tình hạnh, có trình-khiết bền chắc. Luật Thập-lụng, cho là phép tuyện thân, tuyện tâm, là nghĩa thế vậy.

Năm chúng xuất-gia kể trên, Tỷ-khiêu, Tỷ-khiêu-ni, là phân biệt cái tình nam-nữ khác nhau, mà đã thụ giới Cụ-túc. Sa-di, Sa-di-ni cũng là phân biệt cái tình Nam nữ khác nhau mà mới thụ mười giới chưa thụ giới Cụ-túc, Thức-xoa-ma-na là một phép phương-tiện trước khi Sa-di-ni tiến lên thụ-giới Cụ-túc. Cả năm

lên hiệu này đều là ngôi Tăng-bảo trong Trụ-trì Tam-bảo.

Từ đây trở xuống, sẽ nói riêng về chỗ sai khác của hai thứ xuất-gia, ba thứ, bốn thứ xuất-gia.

Hai thứ xuất-gia, một là thân xuất-gia. Là hàng cao bỏ râu tóc, bỏ áo tục mặc áo nâu, ra vào ở dưới Kim môn (cửa Phật) đi vào ở trong Bảo điện (chỗ thờ Phật) mà trái phạm giới luật lừa dối tại-gia không tu phép Phật, không làm việc Phật. Như các người xuất-gia đời bảy giờ phần nhiều thuộc về phái thân xuất-gia này cả. Hai là tâm xuất-gia, là hàng thân hình như người tục, lấy vợ sinh con, buôn bán làm ăn, nhưng trong thì nghiêm giữ giới luật, chăm học Phật pháp, thường ăn cơm Pháp-hỷ, thuyên-duyệt, thường hộ-trì Tam-bảo, làm cho đèn Pháp của Phật tỏ được sáng tỏ, nổi giới được giống Thánh là các bậc Đại-thừa Cư-sĩ như Ngài Duy-Ma, Hiền-hộ, Bàng-công, An-sĩ v. v.

Ba thứ xuất-gia, một là ra khỏi cái nhà hồng-trần, cắt tóc theo thầy, mặc áo nâu sồng, như kinh Niết-bàn nói rằng : « Tại gia bức bách như ở ngục tù, tội ác phiền não, do đó sinh ra. Xuất gia rộng rãi ung-dung, như chốn hư-không, các phép tốt lành nhờ đó mà nảy nở » nếu ở tại-gia, không thể tu hành giữ giới thanh sạch được suốt đời, ta nay nên cạo râu cắt tóc, xuất gia tu học đạo vô thượng Bồ-đề. Hai là ra khỏi cái nhà Tam giới, tu tập phép quán không, phá trừ được phiền-não kiến tư, thoát khỏi phần phạn-đoạn sinh tử, như Kinh Pháp-hoa nói : « Ba cõi không yên, cũng như nhà cháy » v. v. cho đến các con ông Trưởng-giả, nghe lời cha nói, tâm đều phấn khởi cùng tranh nhau chạy ra khỏi nhà cháy. Đây tức là các vị sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả và Bích-chi Phật v. v. Ba là ra khỏi cái nhà Vô-minh. Tu ba phép quán được viên mãn màu nhiệm, phá được cái phiền não vô-minh, thoát khỏi phần biến-dịch sinh tử, chứng quả vô-dư Niết-bàn. Như các Bồ-tát Đẳng-địa về Biệt-giáo và ngôi Trụ-địa về Viên-giáo, đoạn

được từng phần vô-minh. Duy có ngôi Diệu-giác về Viên giáo mới đoạn hết vô-minh tức là Phật quả cứu-kinh vậy. (Thuyết của tôn Thiên-thai).

Bốn thứ xuất-gia, một là thân xuất-gia, tâm không xuất-gia, như: cạo râu cắt tóc, mặc áo Ca-sa, chính-linh đi xuất-gia, thân sam bạt pháp, nhưng tâm còn tham mến, vui thú ái lnh, thường thường phát khởi sự tham ái gớm ghê, thân tuy xuất-gia nhưng tâm không xuất-gia. Hai là tâm xuất-gia, thân không xuất-gia, như hưởng thụ các sự vợ con áo-gấm, nhà cửa trang-hoàng, chân bóng chiếu miễn, hương ướp phấn xoa, vòng vàng xuyên ngọc, áo mặc thức ăn, các thứ châu báu vàng bạc, măng chửi đánh đập đũa ở con đòi, hoặc sinh ra các sự chửi nhau, cãi nhau; nhưng đối với các cảnh dục lạc đó, tâm không đam nhiễm, không phát khởi những sự tham ái quá chừng, như thế là thân tuy không xuất-gia, nhưng tâm đã xuất-gia rồi vậy. Ba là thân tâm đều xuất-gia, như cạo râu cắt tóc mặc áo ca-sa, chính-linh xuất-gia, thân sam bạt pháp, tâm không tham mến các cảnh dục lạc, không hay phát khởi cái duyên tham ái, nhờ bỏ lảng chính niệm, liền sinh lòng tử thẹn vô cùng, thế là thân xuất-gia, tâm cũng xuất-gia. Bốn là thân tâm đều không xuất-gia, như vợ con nhà cửa, hương hoa gói nệm, áo mặc thức ăn, vàng bạc châu báu, chửi mắng đánh đập đũa ở con đòi, thường thường sinh ra kiện tụng đủ sự; tâm sinh đam nhiễm các món dục lạc, thường thường phát khởi những sự tham ái gớm ghê, thế là thân tâm đều không xuất-gia. (xuất ở phẩm lnh lự trong luận Pháp uân)

II. — Cai mục đích xuất-gia

Ý nghĩa xuất gia rất hay rất diệu, rất phong thú sâu xa, coi lại các đoạn nói trên cũng đã rõ được đại-thể rồi. Nay lại nói đến cái đích xuất-gia. Một nhà Tây-triết là ông Cam-đức nói rằng; «việc cần nhất của người đời tức là việc phải lập một mục đích lớn lao mà quyết chí làm cho được» Ông Mạch-Đặng nói rằng; «Có

một cái mục đích để đi cho hoàn toàn mạnh mẽ, đích sắc có thể chữa được muôn sự ác. Đủ biết người quyết phải có mục đích, các người ở trong Hồng trần kia còn chịu làm đạo như thế, thời các Tăng Ny xưng là Thượng sĩ xuất-trần, là Sư biểu cho cõi Trời cõi người, thì có lẽ nào coi khinh cái mục-đích được ư? vả lại Phật-học hay học Phật đều phải phát thệ nguyện trước, thệ tức là mục-đích. Bởi vì cuộc đời vô-thường thiên biến, chớp mắt đã biến đổi muôn hình ngàn trạng, nếu không quyết định lấy một cái nêu đích thì cũng như thuyền không có lái, ngựa không có cương, lênh đênh rông rữ không biết thế nào là cùng, vậy thì làm sao cho khỏi cái nạn đập vào thác phá vỡ đổ được ư?

Cái mục đích của người xuất-gia là phải thường theo học Phật, ly các sự khổ được các sự vui cứu-kính, bình đẳng như thế, người ta cũng vậy, vì thế nên chia ra có nơi phần là tự-lợi và lợi-tha khác nhau.

1. — Phương diện tự lợi «chưa độ được mình sao hay độ được người» các người xuất-gia về nhị-thừa tiêu-cực đều lấy đó làm một cái mỗi phát ra mục đích mà nuôi thành cái tâm lý «chán ba cõi như ngục tù, coi sinh tử như oan gia» có cái thế bền chắc không thể phá đổ được. Cái nguyên nhân đó tại đâu? Là tại các người đó về phần trí-thức thực của cá nhân chưa được đầy đủ, hành vi chưa được thuần thực, chưa đủ tự-trị tự-lập lấy mình; muốn cứu những sự thống khổ cho nhân loại, làm phúc lợi cho xã-hội thực không phải là việc dễ, vì thế các người tiền-thừa xuất-gia tất phải ở chỗ nhàn nhả vắng vẻ, làm tất phải làm trọn hạnh đầu-đà thanh-lĩnh vắng lặng, mong cho thoát được cái quả khổ về cái thân ngũ uẩn phạn-doạn, được hưởng thụ cái nhân sướng ở ngoài ba cõi, đây là cái mục đích của người xuất-gia tự độ tiêu-cực vậy xong tuy không có cái tâm lợi người giúp đời như thế, nhưng cũng đã không làm hại đến sự lợi ích của nhân quần xã-hội rồi.

II. — Phương-diện lợi tha «chưa độ mình vội, đã độ

cho người trước, là chỗ phát tâm của Bồ-lát». Cái mục đích của xuất-gia Bồ-lát là lấy cái phúc lợi giúp đỡ loài người và toàn thể động-vật làm đầu, chính như trong kinh đã nói: « Hoàng Pháp là việc nhỏ, lợi sinh là gia nghiệp» vậy. Hy sinh cả mình vì nhân-quần, không lấy làm lo ngại mà lại hơn hớn vui mừng, coi bốn loài như con đò, dãi muốn vật cũng một tình, trừ cho hết sự khổ nạn, cho các sự sướng. Sở dĩ có cái mục đích như thế là bởi trí-thức và công hành đều bền chặt, kiên thực hơn người, tư tưởng nhanh nhẹn, trí tuệ đầy đủ, cho nên hay lập được cái nêu đích lớn lao như thế, cái công-huân vĩ-đại như thế. Như thế nguyện hoàng pháp của Ngài Quan-âm, Đại nguyện Ngài Địa-tạng đều là cái mục-dịch lớn lao vô cùng. Lại như Đức Thích-Ca Như-Lai, trước khi sắp đi xuất-gia cũng lấy bốn nguyện vọng lớn (tức là mục đích) của xuất-gia. Kinh Phả-Điệu chép rằng: « Đức Thích-ca Như-lai lúc sắp xuất-gia, phát bốn nguyện này (mục đích) để độ thoát chúng sinh, y vào bốn nguyện mà đi xuất-gia. Những gì là bốn: 1) Nguyện cứu chúng-sinh khổ ách, nghĩa là nếu ta thành chính giác, đủ nhất thiết trí, mặc áo giáp hoàng-thệ; các chúng-sinh bị khổ ách não loạn, ta sẽ cứu cho được thoát các sự chướng chối, sinh già ốm chết ở trong ba cõi, ta ở ngay cõi thế tục chu toàn cho cả chúng-sinh khổ nạn, cho đến giải thoát hết khổ vào cõi vắng lặng, không có sự ăn dái, đó là nguyện thứ nhất. Hai là nguyện trừ sự mê hoặc làm chướng-ngại chúng-sinh, nghĩa là chúng-sinh chìm đắm vào cái nhà vô-minh, không biết gì hết, ngu si mê muội, sinh nổi tướng như bần, nên phải chỉ bảo cho rõ như có con mắt trong sạch, trong ngoài không gì ngăn ngại được, đó là nguyện thứ hai. Ba là nguyện đoạn trừ tà-kiến cho chúng sinh, vì chúng sinh ở đời có cái thứ tự, đại phân biệt người với ta, mà ý tham thân trọng mình khinh người, tâm thì điên đảo đủ mọi sự tà-kiến, vô thường cho là thường, không ngộ đạo Thánh, đọa vào

ba nghiệp đều phải khai hóa cho vào đạo chân-chính, đó là nguyên thứ ba. Bìn là nguyên lễ-độ cái khổ luân-hồi cho chúng-sinh, vì chúng-sinh chìm đắm vào cái bề sinh tử; quanh đi quẩn lại, không biết thuở nào ra, diệt mất căn trỉ-tnợ, mê hoặc vào năm ngã, không hay tự cứu, phải thuyết pháp cho nghe cho được độ thoát, đó là nguyên thứ tư.

Đức Thích-ca Như-lai, khi đã phát bốn nguyên này rồi, lại nói rằng: • Đời trước ta lập bốn nguyên này, nay đã được rồi, không nên trái bỏ, vì thế xuất-gia thành ngôi chính-giác, độ thoát mười phương.

Cái mục-đích đức Thế-tôn xuất-gia đã rõ như thế. Nay chúng ta là con đức Thế-tôn, vậy thì các Tăng ni chúng ta bốn phận là phải nối dõi cái gia nghiệp của Phật định đến bao giờ mới đạt được mục đích ấy đây? Ói! các Tăng Ni chúng ta đã gánh vác cái sứ-mệnh của Như-lai như thế, nếu quả nhận rõ cái nghĩa hiện-thực này mà cứu giúp ngay người đời cho thiết thực, rồi đem những công đức ấy tích góp lại thì có lẽ nào mà không nối được nghiệp lớn xưa ư?

Thanh Dương thuật

PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 153)

Lại dạy ra mười phép: là mười phép: một là, một vị Tỷ-khiêu bốn phận hai trăm năm mươi Giới và bao nhiêu uy-nghi đều phải giữ cho trọn, thấy một tội nhỏ cũng cả sợ hãi, coi như tội lớn, tu học các Giới thặng bằng chớ lệch, hai là được gặp bậc tốt lành, ba là, nói năng đúng mực bốn là ham cầu pháp lành cầu được lại đem phân bố cho người không hề sên tiếc, năm là, người có nét phạm nếu làm việc gì, chẳng quản

khó nhọc, liền đến giúp đỡ, việc rất khó làm cũng làm cho được, lại hay dạy người cái hạnh ấy nữa, sáu là học nhiều, đến đâu nới giữ đến đấy chưa từng dễ quên, bảy là, diệt hết, các món chẳng lành dễ Phép lành lớn thêm, tám là chuyên một mỗi nghĩ chính đáng chờ nghĩ điều sáng điều lành đã làm ghi lòng chắc chắn, chín là đem trí nên tới ngắm Pháp sinh-diệt, đem luật Hiền Thánh nhờ phăng gốc khổ; mười là, thêm nơi vắng vẻ dễ chuyên mỗi suy lường, giữa khoảng đương ngồi Thiền cũng không lộn sộn »,

Môn thứ hai dạy :

« Trong môn Tu dạy ra chín phép, là chín cái gốc điều mừng : mừng, yêu, há, vui, yên, biết rõ thực, trừ bỏ, không có lòng dục và giải-thoát ».

Môn thứ ba dạy :

« Trong môn Giác dạy ra một phép : là cái chạm sát hữu-lậu vậy »,

Môn thứ tư dạy :

« Trong môn Diệt dạy ra chín phép, là chín cái gốc ở sự yêu : yêu, nhân yêu mà có cầu, nhân cầu mà có lợi, nhân lợi mà có dùng, nhân dùng mà có muốn, nhân muốn mà có đắm, nhân đắm mà có ghen, nhân ghen mà có coi, nhân coi mà có giữ ».

Môn thứ năm dạy :

« Trong môn Thoái dạy ra tám phép, là tám chứng chầy lười : một là, giả như có vị Tỷ-khiều gặp hôm nào đen dũi bị mất bữa phải nhịn xương, trong ngày đêm hôm đó lấy làm ngao ngán, đâm ra ngại phiền mà chán nản các công việc, sờ thấy bụng lép liền hậm-hụi tự-nghĩ một điều : ta nay

vì không cơm, đói rần cả người ra như thế này, thì liệu còn hành-động các việc, cùng là tụng-kinh với ngời Thuyên làm sao được nữa : thời chả tội gì mà phải cố, đi nghỉ quách ! thế là rồi cứ độc ngả ngón quanh, năm ườn suốt ngày chẳng chịu cất niắc một việc chi hết, đã hơi tý thì thoái-thác chây lười như vậy mà những đạo-quả vẫn còn cứ cố mong mỗi hảo-huyền, chỗ chưa đắc muốn đắc, chưa chứng muốn chứng thì sao cho được vậy; hai là hoặc do những khi vừa ăn bữa cơm no, chừng lười sẵn có liền thác ngay vào với cái bữa, nói rằng, vừa mới ăn uống xong, bụng no anh-ách, làm việc ngay sinh bệnh, hãy đi nằm nghỉ cái đã, đoạn là mượn cớ đề ý thần sắc : ba là, hơi làm một việc gì liền dựa vào việc ấy; bốn là mới sắp sửa làm đã tính đường dưỡng-sức trước : năm là, hơi vận động đi lại cũng tạ dĩ oản oải ; sáu là, bắt đầu dực dịch đã nghỉ dần rồi; bảy là, hơi chút ốm đau thác bệnh vạ vật ; tám là, bệnh đã khỏi hẳn rồi còn nuông thân uể oải mãi nhất nhất đều do một mối nghĩ sáng như trên mà ra cả ». Môn thứ sáu dạy :

« Trong môn tăng dạy ra hai phép : đủ Giới và đủ kiến », Môn thứ bảy dạy :

« Trong môn nan-giải dạy ra tám phép, là tám loại chúng-sinh chẳng được sỏi sang vương tu nét Phạm : nghĩa là một hạnh phúc lớn, đức Như-lai xuất hiện ra đời nói pháp mẫu nhiệm vắng lặng không-gợn, tu theo đều hướng về đạo rộng-lớn, thế nhưng có người bị sinh vào trong ngã-ác địa-ngục, cùng là súc-sinh ma đói, cõi giới sống đời

đời, sự rợ mọi ngu-si không biết. Phật pháp, hoặc dẫu có được sinh vào nơi văn-hóa nhưng lại mắc điều hiểu sáng đem lòng giáo-giờ, mỗi ác kết thành, hoặc bị tật, mù, điếc, cảm ngọng, hoặc cái bộ-phận hình-tướng trong người đều hoạn toán tu được Thánh-giáo, song lại chút hiềm vì còn thiết thời không được gặp Phật vậy :

Lại dạy ra chín phép, là chín phép về tròn nét-Phạm : như một vị Tỷ-khiêu có lòng tin, tuy có lòng tin nhưng không giữ Giới thì nét-Phạm chẳng trọn, vừa tin vừa có Giới nét-phạm sẽ trọn đủ được, có tin và Giới như mà ít học thì nét-Phạm chẳng trọn, lại thêm học nhiều nét-Phạm sẽ trọn-đủ : có tin, Giới và học nhiều nhưng không hay thuyết-pháp được thì nét-phạm chẳng trọn, lại hay thuyết-pháp được nét-phạm sẽ trọn-đủ : Tin, Giới, học-nhiều và hay thuyết-pháp nhưng không hay nuôi chúng được thì nét-phạm chẳng trọn, lại hay nuôi chúng được, nét-phạm sẽ trọn-đủ ; Tin, Giới, học-nhiều, hay thuyết-pháp và hay nuôi chúng nhưng không hay ở trong một đám đại chúng, mà diễn-rộng các lời lẽ pháp được, thì nét-phạm chẳng trọn, lại hay diễn-rộng được, nét-phạm sẽ trọn đủ, Tin, Giới, học-nhiều, hay thuyết-pháp, hay nuôi chúng và hay diễn-rộng nhưng không chừng được bốn ngôi Thuyền thì nét-phạm chẳng trọn, lại hay Tin, được bốn ngôi Thuyền nét-phạm sẽ trọn đủ; tin chừng Giới, học-nhiều, hay thuyết-pháp, hay nuôi chúng, hay diễn-rộng và bốn ngôi Thuyền, nhưng không hay đi lại ngược xuôi mà chơi bờ trong lán con đường giải-thoát được, thì nét-phạm chẳng trọn,

lại thung-thắng cả tám con đường ấy nét-phạm sẽ trọn đủ: Tin, Giới, học-nhiều, hay thuyết-pháp hay nuôi chúng, hay diện-rộng, bốn ngôi Thuyền và tám đường giải-thoát, nhưng còn chưa được hết nghiệp hữu-lậu thành vô-lậu, lòng giải-thoát, Tri-sàng giải đối với pháp luận đưng tu tự đã chứng-nhập, sinh-tử đã hết, nét-phạm đã dựng, việc làm đã xong thân sau đã khỏi thì nét-phạm vẫn còn chưa trọn, bao giờ lại làm kiêm được hết cả như vậy, thì nét phạm chúng đó mới được thực trọn đủ vậy» Môn thứ tám đây:

« Trong môn sinh ra tam phép ; là tám điều biết của những bậc đại-nhân : ít muốn chứ không hay muốn, biết đủ chứ không bị bùng, rảnh vắng chứ không ưa đông, đứng đắn chứ không đùa cợt, chăm chỉ chứ không chây lười, nhớ luôn chứ không hay quên, ý định chứ không tan rối, tri-tuệ chứ không ngu-si.

(còn nữa)

Phật-học với sự thực-tế

(Tiếp theo số 154)

Tôi chắc rằng độc giả của tôi bây giờ đã thấy vì những lẽ gì mà đạo-Phật khó hiểu. tôi tự hỏi, như thế nào mới là hiểu đạo-Phật, và làm những cách gì để hiểu đạo-Phật, nhiều cách lắm, mà các nhà bác-học hiện thời đã tận tâm bàn đến.

Đạo-Phật sinh ra ở Tây-Bắc nước Ấn-độ ; nếu sự bành trướng của nó chỉ ở Ấn-độ thôi, thì ta sẽ giảm được những điều thật khó trong sự hiểu đạo Phật. Ta chỉ học địa-dư nước Ấn-độ xưa thì việc nghiên-cứu

của ta sẽ dễ dàng ngay. Nhưng, mà sự thực thì đạo Phật, từng thời kỳ một, lan khắp cả nước Ấn-độ rồi ra mãi các nước lân cận, một trang những cách nghiên cứu mà hướng-dịch là sự nghiên cứu địa-dư. Sinh ở gần sông Hằng (Gange) đạo-Phật, một đàng tràn về phương Nam, trước hết vào Ceylan rồi sau vào mãi Diên-Điện Xiêm-la và Cao-mên. Đạo-Phật ở những xứ này gọi là phái-nam tông; đặc tính của nó là sự theo đúng hình-thức' sự trung thành với điển-pháp, sự tôn sùng giới-luật. Vậy thời nó thiếu, mất lòng thiết tha tôn giáo và sự tinh tiến xã-hội. Đạo-phật phái Nam tông này còn gọi là Tiểu thừa hay Hinayana, phải chịu theo những phép tắc rất nhất định.

Một đàng nữa đạo-phật tràn về phía tây-bắc, theo giòng sông Hằng mà đến tận Gandhara, cachemir và những vùng lân cận; sau nó đến tận Afgahanistân, Perse, rồi lên mãi cả phía Bắc một chút, trong những miền của người Nga ngày nay. Về phương Đông, đạo Phật giải giác khắp cả những xứ Népa, Tibet, đến mãi Mông-cổ, Mãn-châu. Vì phía đông-bắc đạo-Phật truyền vào vùng Tân-cương trước nhất, rồi đến Trung-quốc, qua đấy nó tràn đến mãi Cao-ly rồi sang Nhật-bản; nó lan rộng, xuống mãi phía nam Trung-duốc rồi nhuần thấm vào Việt-nam. Đạo-Phật ở những xứ này gọi là « phái-Bắc tông », và phần nhiều thuộc về đại-thừa hay Mahayana, ta nên biết rằng, ở thời xưa, ngay ở Ceylan cũng có những tôn-phái của đại-thừa, và mãi ngày nay, ở Java và ở Sumatra ta còn thấy những di-tích của nền mỹ thuật nhà Phật thuộc về đại-thừa

Đạo-Phật phương-Bắc như tôi vừa nói cũng có chùa chiền, giáo-hội' nhưng sao nhãng những hình-thức của tiểu-thừa: chính đại-thừa là nền đạo-Phật về thời sau này. Nó có đặc tính là sự sở thích vừa mỹ-thuật vừa tôn-giáo; trong đạo này ta có hăng-hà-sa-số chư Phật và chư Bồ-tát, kể ra cũng có vẽ thần-

tiên. Nếu ta nghiên cứu đạo-Phật theo sự phân-chia địa-dư, thì ta thấy trong đại-thừa ngay ở tư tưởng của nó có nhiều sự đổi khác tùy từng miền một vậy, nói hẹp lại là một khi đạo Phật đã truyền vào nước nào, nó điều theo cái hình-thức của xứ ấy mà thay đổi. Hơn nữa, đạo-Phật đã trải qua nhiều thời kỳ, thay đổi nhiều, nên việc nghiên cứu về lịch sử cũng cần

Đạo-Phật là tôn-giáo tất nó phải có những kinh nói về giới luật của nó.

Phật nói cái giáo-lý của ngài trước các môn đồ của ngài, không có để lại sách vở gì cả, Như vậy giới luật của nhà Phật không vạch sẵn được trong trí nhớ của các môn đồ. May thay các vị môn đồ này tự hợp nhau lại bàn tán và định nghĩa thế nào là đạo-Phật. Song le, các ngài ấy cũng lại không để sách vở lại, về sau này người ta mới viết ra sách và truyền cho những người nối dõi, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng sách vở, những giới luật và những dư luật của Phật. Đến những thời kỳ sau nữa, người ta mới viết ra những sách phê bình mà ta thường gọi « luận ». Những sách như tôi vừa kể là những kho sách của đạo Phật, dành riêng cho Tiểu-thừa, ngoài những sách ấy ra ta không thể tìm thấy đạo Phật gọi là thời cổ được. Song về đầu kỷ nguyên Thiên-chúa, có một vài người đã tìm thấy ở một miền tây-bắc những kinh của đại-thừa, kết án những bản kinh trước của Tiểu-thừa. Trong đạo-Phật Nhật-bản người ta khinh dể và sao nhãng Tiểu-thừa và coi nó như là một tôn chỉ thấp kém đại-thừa. Theo ý tôi đó là điều nhầm to, hai chữ này đã bị mấy nhà bác-học dùng một cách táo bạo. Nói về lịch sử, thì kinh gọi là Tiểu-thừa đúng hơn các kinh khác mà nó chỉ chấp chước vào sự bành-trướng của tôn chỉ. Cứ theo sự thật của lịch sử thì đại-thừa kém phần chắc chắn hơn Tiểu-thừa. Trong lịch sử của

Tiêu-thừa nói rằng nó có từ lâu năm mà cũng có các chùa chiền, phải cái nghèo mà thường lại tiêu tụy; trước nhất phải này trọng cái đời tu hành lắm. Đại-thừa, thì thuộc về một hạng giàu có hơn, có tinh cách dung-hòa, trực tiếp theo đúng cái tinh-thần của đạo-Phật, sao khác mẫu-mực nhà Phật, chỉ trọng cái nết hơn cái nết nhiều. Cứ trong cái tôn-chỉ của Đại-thừa, nhất là vùng Tây-bắc và trung-ương Ân-dô thì sự nghiên cứu về phương diện địa-dư cũng cần lắm. Tóm lại, ta phải nghiên cứu đạo-Phật và những phép luật của nó vừa ở Đại-thừa lẫn Tiêu-thừa.

Sự nghiên cứu đạo-Phật bằng lịch sử không phải là một cách duy nhất để hiểu Ta có thể tham khảo bằng những dư luận riêng của Phật hay bằng những công việc riêng của ngài. Sự nghiên cứu về đời Phật lối tiểu sử, phải tùy từng thời, từng miền mà đổi khác. Sự đổi khác này đồng thời cũng là lịch sử của cái quan niệm của đạo-Phật. Không phải là ta chỉ có thể tham khảo nó bằng những đoạn lịch sử, ta có thể nghiên cứu nó bằng đời tư của các môn-đồ của Phật, như ta đã được thấy trong những chuyện nói về sự sinh hoạt trong giáo-hội. Điều quan trọng là phải hiểu đạo-Phật đã được các bậc cao tăng các bậc sáng lập tôn phái bàn luận ra sao. Tóm lại, về phương diện tôn chỉ ta có thể nghiên cứu đạo-Phật bằng sự quan sát ở sự sinh hoạt của từng người một.

Đại để, ta có thể tóm tắt mà nói rằng, cái tiểu-sử, những kinh điển xưa, hay những sách vở của các bậc sáng lập ra tông phái chỉ là những sự góp nhặt của sự quan sát Phật-pháp của từng người một mà thôi. Nghiên cứu đạo-Phật bằng lối của các bậc tiền bối cũng là việc cần và có ích, nhưng thiết tưởng nếu một người đã là Phật-tử thì cũng cần phải có cái triết lý riêng đối với Phật-pháp. Vì vậy mà tôi muốn nói rõ những tư tưởng của các bậc cao-minh và các triết-lý riêng mà tôi đã lĩnh thu được.

(còn nữa)

Thuyết ăn chay

TRONG CHÍNH-KIẾN ÔNG-TÔN-VĂN

Phật nói rằng : « Hết thầy, chúng-sinh, đều phải ăn mới sống, ăn thứ lành thì sống, ăn thứ độc thì chết ». Người đời xưa nói rằng : « Nước lã, dân làm gốc, dân lã, ăn làm cốt ». Lại nói : « Các bệnh tật đều bởi sự ăn uống mà sinh ra. » Xem lại những lời đó thì ta có thể biết được rằng muốn cho nước mạnh, tất phải làm cho dân mạnh trước, dân mạnh lại cần sự ăn uống cho đầy đủ trước. Sự ăn, uống đã được đầy đủ thì lại cần phải giữ gìn, cho nên vấn-đề ăn uống thực rất quan hệ, rất cần thiết cho sự sống, chết, mạnh, yếu của thân-mệnh người ta và cả quốc-gia nhân-loại nữa, như vậy lẽ nào ta lại không để ý đến hay sao ? Chúng ta muốn cho ăn ta, cho quốc-gia ta, cho nòi-giống ta được cường-tráng, thì sao lại không tìm cách nuôi thân-thể ta cho được khỏe mạnh ? Song muốn lo sự ăn uống cho thân-thể được khỏe-mạnh, thì ta cần phải biết tới cái công-hiệu ăn chay. Tôn-văn Tiên-sinh nói rằng : « ăn chay là cái diệu-thuật sống lâu thêm thọ, đến nay các nhà khoa-học, nhà vệ-sinh học, nhà luân-lý học, cũng đều công-nhận rõ như vậy ». Lại nói : « Người thường dân trong nước ta chỉ uống nước chè tươi, thường ăn cơm gạo và thêm các thứ rau, dưa, đậu-phu để làm món ăn, ngày nay các nhà vệ-sinh xét ra những món ấy thì thật là những món ăn rất bổ-ích cho sự dưỡng-sinh, cho nên số dân trong nước Tàu được hưởng thượng-thọ, thường là những người ăn uống không có rượu thịt ». Lại như số dân trong nước Tàu đông đúc mà lại hay bị dịch tễ rất dữ dội, suy nguyên cũng là vì sự ăn uống không hợp phép vệ-sinh (nghĩa là không ăn chay mà ăn các thức thịt thiu cá thối v v) Vì dù lại theo được khoa-học vệ-sinh mà dùng công phu

đề cải-lương liền-bộ lên thì người trong nước Tàu tất là được cường-tráng và đông đúc hơn ngày nay. Lại nói « Những món ăn như măng, mộc-nhĩ, đậu-phu, giá, thực là món ăn chay rất tốt, các người ăn chay ở nước Tàu tất ăn món đậu phu, nên biết đậu phu tức là món thịt trong loài thực-vật, nó có chất bở như thịt mà không có chất độc như thịt, nên coi ăn nó như ăn thịt, cho nên đã có nhà chủ trương dùng đậu mà thay vào thịt rồi vậy. Còn món tương, không những không có chất độc lại nhiều chất tinh-tủy như thịt, đủ chất như sữa bò và nước thịt, không những hợp với phép vệ-sinh mà lại có ích cho thân thể nhiều lắm, cho nên toàn cả nước Tàu đều là nước đã ăn chay cả, đã tập quen là thường lắm rồi, không phải đợi đến các nhà học-già đề sướng nữa ». Đó là lời huấn-giáo của Tôn-văn tiên-sinh đề sướng thuyết ăn chay để mong cho thân mạnh, nước mạnh, nòi giống mạnh, thực là lời dạy bảo rất quý báu lắm vậy. Đồng thời Tôn Tiên-sinh lại đem những cái hại bởi sự ăn thịt để ngăn ngừa cái lòng tham ăn thịt của người ta. Tiên-sinh nói rằng: « Xét đến chất thịt trong sáu giống súc hàm có các món ăn sinh ra bệnh rất nhiều, cho nên người ăn thịt vì nguyên-nhân đó sinh ra nhiều bệnh và bị giảm thọ ». Lại nói: « ăn thịt nhiều quá thì hại nhiều, lợi ít, cho nên phần ăn thịt nhiều mà bị bệnh thường nhiều hơn các bệnh khác. Xem ngay như tờ Tổ-thực nguyệt-san ở Luân-đôn (Londre) nói rằng: « Các thầy thuốc ở nước Mỹ báo cáo như thế này: « Nhân vì ăn thịt mà thân thể lại sinh rất nhiều ký-sinh-trùng có tới một ngàn bảy trăm vạn người, trong mỗi người có hàng trăm vạn con trùng, chằng chịt khắp trong mạch máu, có mô sắc nhọn, người nước Mỹ bị giống trùng đó làm hại thực là thảm thương quá! » Xem đó ta phải tin lời của Tôn Tiên-sinh là thành thực, có chứng cứ, chứ không phải là lời nói ngẫu nhiên bần

phiếm như một nhà học-giả vậy. Tiên-sinh nói rằng: « Cái cách ăn thịt của người già người trẻ khác nhau. Lúc còn trẻ tuổi, dương độ sinh-trưởng thì còn nên ăn nhiều một chút, khi đã đứng tuổi rồi thì nên giảm bớt đi, tuổi già thì lại càng phải giảm hơn nữa ». Tiên-sinh lại đem mình ra làm chứng cho rõ sự ăn chay trừ được bệnh, thêm tuổi thọ và có công hiệu làm cho thân-thể được Khang kiện, trái lại ăn thịt thì ra nhiều bệnh tật, nên Tiên-sinh lại nói : « Trước kia tôi đã bị chứng ăn không tiêu, chữa mãi mà không có hiệu quả gì, bệnh ngày càng tăng, không biết tìm phương pháp nào cứu chữa được, may gặp ngài Thái-Cát ở Đông-Kinh Cao-Dã chỉ cho phương pháp dùng cách trồng cửi lại để dưỡng-sinh, ngài khuyên bỏ hết các thứ thịt và trứng gà, sữa bò cùng hết thầy các thức cay thơm, mà dùng toàn những thứ hoa quả tốt tươi và ăn cơm gạo dần, từ đấy tôi khỏi bệnh. Đến nay đã hai năm, sức ăn lại hơn lên, thân thể lại được khỏe hơn xưa nhiều.

So sánh sự ăn chay với sự ăn thịt, chẳng những có quan-hệ đến phương-diện vệ-sinh, mạnh thân, mạnh nước, nòi giống khỏe mạnh mà thôi, trong mục « dân sinh », Tôn Tiên-sinh nói ; « Thực vật là món dưỡng sinh căn yếu của nhân-loại, cái phương-pháp mưu-sinh của nhân-loại có thực tiến bộ lắm, rồi mới biết dùng thực-vật làm món ăn, Nước Tàu là một nước văn-hóa sớm nhất, cho nên nước Tàu phần nhiều hay ăn chay ; Theo những lời đi-huấn quý báu vàng ngọc của Tôn Tiên-sinh đã vì lòng thương sót thiết-tha chúng-sinh mà khuyên răn, khiến cho chúng ta biết phép ăn chay là phép thêm thọ và khỏe mạnh, thân mạnh, dân mạnh, nước mạnh, nòi giống mạnh, thực là món ăn đưa người ta lên con đường văn-minh tiến-hóa vậy. Đồng thời chúng ta lại nhận thấy Tôn Tiên-sinh, không những là một nhà đại-chính

trị, nhà đại-luận-truyền, nhà đại-cách-mệnh mà lại còn là một nhà đặc cáchstrong lên thuyết ăn chay và là một nhà có thực-hành nữa. Về phần chủ chương thuyết ăn chay của Tiên-sinh, lẽ dĩ nhiên là chủ trọng về mặt khoa-học vệ-sinh làm cho thân thể được mạnh mẽ, mà Tiên-sinh lại chủ trọng cả về phần luân-lý triết học để gây lòng nhân-tử bác-ái nữa.

Năm Dân-Quốc thứ 27, có kỳ Hội-ngị tham-chính, khi tuyên-bố trong cái đại-cương về kế-hoạch vận-động có quyết nghị rằng đối với sự ăn uống của dân trong nước, cốt lấy tự-dưỡng thân thể làm chủ, phải đề sựng phép xay gạo lại, mỗi tháng nhất định phải ăn chay mấy ngày lại như ngày kỷ-niệm kháng-chiến đệ-nhi chu-niên mới rồi. Trung-ương chính-phủ Tàu cũng hạ lệnh cho khắp dân trong nước phải đình chỉ việc giết-giò các động-vật và phải ăn chay một ngày hôm ấy. Như sự cố-động như thế thực là noi theo bản ý của Tôn Tiên-sinh cả.

Kết luận bài này, tôi lại xin kính khuyên các thiện-nam tín-nữ thiết rõ cho rằng : « Chỉ thực-hành có một sự ăn chay, mà được đủ các thứ lợi ích : thân mạnh nước mạnh, nói giống mạnh, lại tự nhiên đưa người vào nơi nhân-tử bác-ái là cái đạo-đức rất cao-khiết, mà nói đến sự trước mắt, thì đang lúc sinh hoạt khó khăn này, sự ăn chay lại còn có lợi cho vấn-đề kinh-tế rất lớn nữa. » Xem lời thành-hiến, nghiệm xét thời thế chúng ta càng tin đức Phật Tổ Thích-Ca mâu-ni ta thực là một vị đại-giác vậy.

Đồng chân Viên-Quang
thuật



VĂN UYÊN

MƯỜI ĐIỀU ẢN ĐỨC CHA ME

Trích dịch trong kinh Đại-báo-phụ-mãn-ân

Lúc Phật ở Vương-xá thành,
Cùng chư Đề-lì kinh hành về nam.
Hai vạn tám ngàn người theo Phật,
Thấy xương khô, trống trất bên đường.
Phật liền quỳ lấy đống xương,
Át-Nan bạch hỏi mọi đường trước sau.
Phật phán bảo gót đầu mọi nhẽ,
Đống xương khô há dễ coi thường,
Hoặc là lũy thê Gia Nương,
Biết đâu chẳng ở đống xương khô này.
Tưởng công đức cao giầy khôn vi,
Phận làm con phải nghĩ mấy nển.
Này nghe ta nói chớ quên;
Ấn đức cha mẹ chắp nển mười đời.
Ấn thứ nhất hoài thai mang mẽ,
Nhưng dữ gìn siết kẻo công lao.
Nhân duyên bởi tự kiếp nào,
Ngày nay thác hóa để vào làm con.
Kể từ khi mới hôn máu đỏ,
Rồi dần dần sinh đủ sáu căn.
Nặng như núi đá đè thân.
Nhưng khi trái gió sợ cơn tai nạn.
Áo khăn chẳng diễm trang gọn ghẽ,
Gương biếng soi sếp dề một nơi.
Lâm-sản là ấn thứ hai,
Chịu bao đau khổ đã ai thấu tình.

Đủ mười tháng kỳ sinh sắp tới,
Sân nan này nghĩ mới kinh ghê.

Lúc thời như bệnh trăm trẻ,

Lúc thời phảng phất hơn mẹ khác thường.

Những sợ hãi lo lường khôn siết,

Dạ sâu tư thâm thiết lệ sa.

Tỏ cùng họ-mạc lần la,

Tấm thân sân-phụ biết là có yên.

Ấn thứ bạ mừng quên lo lắng.

Sinh con rồi mới đặng yên vui.

Ngày kia mẹ thấy khác người,

Bỗng nhiên đau đớn đã đời tứ chi.

Tâm rối loạn tức thì mẹ mất,

Máu tước ra như bần dầm dìa.

Nghe con ba tiếng oe oe,

Vui mừng quên cả mọi bề lo toan.

Mừng nhưng vẫn chưa an trong dạ,

Còn quặn đau nào đã thôi đau.

Thứ tư ân mẹ cũng sâu

Mớm con ngon ngọt mẹ dầu đắng cay.

Lòng mẹ cha trọn đầy thành thực,

Thương xót con chẳng lúc nào người.

Miếng ngon miếng ngọt đủ mùi,

Ngậm cay nuốt đắng mẹ thời ngại chi.

Quá yêu đương biệt ly khó nổi,

Nặng ân tình gia bội lòng thương.

Mong con ăn ngủ như thường,

Mẹ dù thiếu thốn mọi đường cũng cam.

Ân thù năm di-cạn tựu thắp,
 Ướt mẹ năm ráo ấp ủ còn.
 Mẹ nằm chỗ ướt cũng cam,
 Sẻ con chỗ ráo mấy an trong lòng.
 Khát đã có đôi giống sữa mẹ,
 Gió lạnh thời áo sẽ đắp con.
 Mẹ thường giã ngũ chẳng ngon,
 Nặng lòng yêu dấu chẳng còn nghĩ chi.
 Những mong cho hai-nhi yên ổn,
 Dù đàn nạt mẹ vốn chẳng nề.
 Thứ sáu ân trọng mọi bề,
 Chăn nuôi bú mớm chưa hề kể qua.
 Nay công đức mẹ cha thứ nhất,
 Tưởng sánh cùng trời đất kém đâu.
 Giờ che đất chỡ trên đầu.
 Công cha đức mẹ dễ hầu khác chi.
 Yêu con chẳng hiểm gì sáu lột,
 Chân tay khéo mắt chột cũng ưa.
 Chính là con mẹ sinh ra,
 Thương con sau trước chẳng hòa đời thay.
 Ân thứ bảy sau đây tưởng tận,
 Tâm rửa luôn như bản quản chi.
 Phù-dung bản liết nữ-nhi,
 Sơn tó phần diễm dương thì hoa xuân.
 Mây thủy-liễu sanh nhuận tươi tốt,
 Má hồng-liên đỏ chót sinh sinh.
 Vì con tâm rửa hói tanh,
 Dung nhan tiêu tụy đã thành khác xưa.

Quý hồ sạch đơn sơ chẳng quản,

Bãi lóc mây chán nản điếm ló.

Thứ lám án mẹ cũng to,

Đi xa cách trở lộ đồ nhờ nhưng.

Thà rằng thác cho song đành vậy,

Sống biệt-ly không thấy càng thương.

Con đi cách trở dặm trường.

Lòng mẹ nghĩ nỗi tha-hương ngậm ngùi.

Ngày đêm vẫn không nguôi tắc dạ,

Sớm khuya thường giống giả chẳng quên.

Vì như giống vượn gọi con,

Đứt từng khúc ruột héo hơn can tràng,

Ấn thứ chín rõ ràng nghiệp ác,

Vì con mà tạo tác tội-khiên.

Mẹ cha khó nhọc bao phen,

Công trình rặng móng xây nền dễ đâu.

Đắp diêm cho mọi màu đầy đủ,

Rồi nam-hôn nữ-thú mới song.

Nhường cơm con khỏi đói lòng,

Thêm áo con khỏi lạnh lùng mấy yền.

Khi con đã tuổi nên trưởng-đại,

Muốn ăn ngon diết hại súc-sinh.

Thứ mười ăn kẻ rành rành,

Thương con mẫn kiếp chưa đành phân-ly,

Ấn mẹ cha không gì sánh kịp,

Vì đất giới mờ mịt cao thâm.

Thương con trúa trất trong tâm,

Dù mà cách trở sa gần chẳng quên.

Mẹ đã tuổi bách-niên trảng-thọ,

Còn lo toan con-đổ tám mươi.

Biết rằng ăn di bao thời.

Có chẳng mẹ lánh cõi đời mấy hay.

Mười điều ăn Phật nay phán bảo,

Kìa thử coi cường-bạo chúng-sinh.

Tuy rằng chiêm được nhân-hình,

Mà trong tâm hạnh ra tình ngu si.

Ăn đức lớn như kia chẳng nghĩ,

Lại đem lòng khinh bỉ mẹ cha.

Than ôi ! khó nhọc sinh ra,

Nuôi con mong, đề tuổi già cây chóng.

Nghe nhờ Phật đau lòng đại chúng,

Đều cùng nhau ôm bụng khóc than.

Chẳng con cam tội muốn vãn,

Xin Phật thương xót chỉ đường cứu cho,

Công Chân

Phật hóa nhân gian

(Tiếp theo số 153)

Phật độ chàng Vô-não

Tại thành Xá-vệ có một cậu công-lữ, con quan thừa-lương, tên là Vô-não, mạnh khỏe dữ tợn, sức địch nổi ngàn người, cậu vâng lời cha dạy đến học một thầy Bà-la-môn.

Có một bữa kia, thầy cậu Vô-não lại dạy cậu thế này : « Nếu nội trong bảy ngày, mà chém được một ngàn người mà lấy mỗi người một ngón tay, kết làm một cái mũ mà đội, thì đắc đạo ngay, và có ông Phạm-

thiên đến rước về cõi ngời hưởng mọi sự tiêu-giao khoái-lạc.

Vô-não nghe nói mừng-rỡ liền sách dao chạy ra ngoài đường, gặp ai thì phạt lấy tay, không chừa người nào, miễn cho đủ số một ngàn thì thôi, vì thế người ta đều kính hãi, bèn gọi chàng là Ương-quát-ma-la. Đến sớm mai bữa thứ bảy thì chàng đã lấy được chín trăm chín mươi chín ngón tay, còn thiếu một ngón nữa thì đủ số một ngàn, đúng như lời thầy dạy. Song vì lúc ấy, ai cũng sợ hãi mà trốn hết nên chàng sợ quá hạn bảy ngày thì không đắc đạo, bèn đi khắp nơi mà tịnh không gặp một người nào cả.

Bỗng đâu bà mẹ nghe con giết hại nhiều người quá, liền đến khuyên răn con. Chàng thấy mẹ thì lật đật cầm giao chạy đến muốn chặt cả tay mẹ; bà mẹ liền lên tiếng hỏi rằng: «Thằng ngỗ nghịch kia mà muốn giết ta sao?»

Vô-não đáp lại rằng: «Tôi vâng lời thầy dạy, trong bảy ngày phải làm sao lấy đủ một ngàn ngón tay người, kết làm cái mũ mà đội thì được sinh về cõi giới Phạm-thiên, nay đủ bảy ngày mà tôi mới lấy được 999 ngón, còn thiếu một người nữa mà tôi kiếm không được ai, nên tôi phải giết mẹ cho đủ số». Trong lúc Vô-não đang nói với mẹ như vậy, thì Phật hóa ra một thầy Sa môn đi qua gần một bên, chàng trông thấy liền bỏ mẹ vội vàng cầm dao chạy theo người ấy, song thầy Sa môn đi thong thả như thường, mà chàng hết sức chạy không kịp. Chàng bèn kêu mà hỏi rằng: «Ông Sa-môn ơi! xin ông hãy an-nhàn đừng lại cho tôi hỏi chút đã».

Thầy Sa-môn trả lời rằng: «Tại người không an-nhàn, chớ ta đây thường an-nhàn luôn».

Vô-não nghe nói như vậy, không hiểu cái đạo lý gì, chàng liền tức giận, mà hỏi rằng: «Vì có gì ông đi thì tôi cũng đi, mà ông lại nói rằng ông an-nhàn tôi không an-nhàn?» Thầy Sa-môn bèn trả lời rằng: «Bởi vì thân

và tâm ta vẫn thường yên lặng, nên tuy có đi mà cũng như không đi. Đó là ta được phần tự-tại, còn người thì học phép tá-sư, nghe lời ma thuyết, nó đã làm cho sai lệch cái tâm của người, không khi nào an-nhàn được nên hàng ngày cứ chạy dong ra ngoài đường mà gây làm nhữnng điều giết hại như vậy ». Vô-nhã nghe nói tức thì hiểu ngộ, biết rõ sự mình làm đó thực là sai lầm, bèn bỏ thầy Bà-la-môn mà xin quy đầu theo Phật.

Phật độ bọn Ny-kiến

Phật thuyết-pháp ở nước Xá-vệ, thì đã dẹp hết các nhà ngoại-đạo, duy còn bọn Ny-kiến không chịu đầu Phật, mà lại nói rằng : « Phe đảng của ta bị Phật phá tan hết thì anh em ta còn sống làm gì mà thụ nhục như vậy, chỉ bằng đốt bỏ thân này mà đầu thai sang đời khác thì hay hơn ». Bọn Ny-kiến bàn thế, rồi cùng nhau tìm kiếm các thứ củi khô, chất đống lại định đốt lửa mà thiêu mình

Phật thấy vậy động lòng bi-ai, bèn ra ơn cứu tế, Ngài bèn dùng phép thần-thông làm cho củi chẳng cháy đống nào, rồi nhập hỏa-quang tâm-muội gần chỗ đó, làm cho chung quanh thân của ngài lửa cháy rực rỡ. Bọn Ny-kiến thấy đống củi của mình dóm lửa hoai mà không cháy, lại thấy gần bên có ngọn lửa cháy thật mạnh, thì rất mừng, bèn nói với nhau rằng : « Thôi, sẵn có lửa đây thì ta không cần gì phải dóm lửa nữa ».

Nói rồi bọn ấy cùng nhau nhảy vào trong đống lửa của Phật, thì lấy làm lạ, sao mà thân-thê lại mát mẻ không có nóng bỏng chút nào, và lại thấy Phật ngồi trong đống lửa ấy nữa.

Chứng ấy bọn Ny-kiến mới chịu phục mà quy xuống lạy Phật cầu xuất-gia.

Phật bèn thuyết pháp mầu nhiệm cho bọn ấy nghe rồi thì đều chứng quả A-la-hán, cạo bỏ râu tóc thành bậc Sa-môn. Lúc Phật thuyết-pháp thì có giảnglech dưới

này cho bọn Ny-kiền nghe: Thuở trước có một người lái buồm, rủ anh em bạn, cứ năm bảy ngày kéo một chiếc thuyền đi ra biển mà tìm các vật châu báu. Vừa may lại gặp lúc thuận gió xuôi buồm, nên chẳng bao lâu mà đã đến chỗ có nhiều cửa báu, ai nấy thấy vậy cũng điềa mừng rỡ, đem lòng tham lam, cứ lo lượm ngọc trai châu báu cho đầy thuyền mà thôi, chớ không nghĩ gì đến thân mạng. Lại thay chiếc thuyền thì nhỏ, châu báu thì nhiều, mà cái tâm tham lam vốn không giảm; vậy nên trở đã đầy thuyền rồi mà còn chắt lên mãi chẳng chịu thôi.

Người lái buồm thấy vậy bèn khuyên can rằng: « Các người đừng ham của báu nhiều mà chớ đầy thuyền quá đó, e có lẽ chìm giữa biển mà bị hại đến thân mạng». Các người kia trả lời rằng: « Thà chết theo của chớ không nỡ bỏ của lại đây ».

Người lái buồm thấy không khuyên giải được, biết trước thế nào coi thuyền của những người kia cũng phải chìm, liền lấy của báu đã chắt trong thuyền của mình mà liệng bớt xuống biển, cho thuyền mình nhẹ, phòng khi cứu vớt bọn ấy, rồi cứ trèo đi thoong h ả theo với các thuyền kia, chớ không chạy cách xa.

Quả nhiên, các chiếc thuyền của mấy người kia, vì đã đầy ắp mà lại bị sóng gió, nên đều bị chìm giữa bể cả. Người lái buồm vội vã trèo thuyền đến cứu vớt hết thấy mọi người rồi đem về nhà.

Phật giảng tích ấy rồi, bèn nói với bọn Ny-kiền rằng: « Ta dùng chước phương-liện mà độ các người, thì cũng như người lái buồm định kể cứu vớt lấy anh em đi tìm châu báu đó vậy ».

(còn nữa)



Tôi tu Tịnh-độ

(Tiếp theo số 154)

3. Phật nói cái nhân chân chính sạch nghiệp cho bà Vi-đề-Hy nghe

Trong kinh Quán-vô-lượng chép rằng : Khi đó bà Vi-đề-Hy hướng lên Phật kêu khóc mà bạch rằng : Bạch đức Thế-tôn ! Xin ngài chỉ cho con biết nhiều chỗ không lo thương khổ-nào, cho con vãng-sinh, chứ con không thích cái cõi đời độc-ác xấu sa này nữa » Bấy giờ đức Thế-tôn phóng hào-quang ở khoảng lòng my ra, soi tỏ mười phương vô-lượng thế-giới, bao nhiêu cõi Phật, đều hiện rõ ràng. Bà Vi-đề-Hy xem xét kỹ lưỡng rồi bạch Phật rằng : « Các cõi Phật ấy, tuy rất thanh-tịnh, mà đều sáng sủa sủa cả, con nay thích sinh sang cõi Cực-lạc của đức A-di-đà Phật, xin đức Thế-tôn dạy con phép tu cho con được vào cõi chính-thụ » Phật bảo bà Vi-đề-Hy rằng : « Cõi của đức Phật A-di-đà cách đây không xa, người nên chuyên chú một mối niệm mà quán về nước ấy, ta nay sẽ nói rộng mọi lẽ cho người hay và khiến cho cả lũ phạm-phu sau này biết lối tu sạch-nghiệp mà được vãng sinh sang đất nước Cực-lạc bên Tây-phương. Muốn được sinh sang nước ấy, phải tu ba phúc lành 1. Hiếu thuận cha mẹ, phụng thờ sư-trưởng; 2. Vâng chịu phép Tam-quy, đầy đủ mọi điều cấm giới, không phạm uy nghi; 3. Mờ lòng bỏ-đề, tin xấu nhân-quả, đọc tụng kinh điển Đại-thừa, khuyên giảng người tu, Ba điều đó tức là cái nhân chân-chính sạch-nghiệp, phải nghe cho rõ mà nghĩ cho kỹ mà nhớ luôn,

4. Chín phẩm vãng sinh.

Trong kinh Thập-lục-quán nói rằng : Thế nào thời được thượng phẩm thượng-sinh ? — Nếu chúng-sinh nào, phát ba thứ tâm thì được vãng sinh ngay, một là cái tâm chí-thành, hai là cái tâm tin xấu, ba là cái tâm hồi-hướng phát-nguyện. Lại có ba hạng chúng-sinh, sẽ được vãng-sinh : Một là có tấm lòng từ-bi, không giết hại sinh-linh, giữ được giới hạnh trọn vẹn, hai là đọc tụng được kinh-diễn Đại-thừa. (1) ba là tu hành sáu phép

1 Đại thừa kinh điển : là kinh dạy những phép tự độ mình lại độ cho người,

niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiên, niệm bố-thí, niệm tri-giới, hồi hướng, (1) phát nguyện sinh sang nước Cực-lạc kia. Có đủ công đức như thế, một ngày cho chí bảy ngày liền được vãng sinh.

Thượng phẩm trung sinh là bậc không cần phải đọc tụng vàng giữ kinh điển Đại-thừa, mà chỉ cốt khéo hiểu nghĩa thú đối với cái nghĩa mẫu nhiệm thứ nhất của Phật, không lòng kính sợ, tin xấu nhân-quả, không hủy báng Đại-thừa, lấy công đức ấy hồi hướng, cầu sinh sang nước Cực-lạc, Lâm được cái hạn : ấy liền được vãng sinh.

Thượng phẩm hạ sinh là bậc cũng tin nhân-quả, không hủy báng Đại-thừa, chỉ mở được tấm lòng cầu đạo cùng tột, lấy công đức ấy hồi hướng nguyện cầu sinh sang nước Cực-lạc, thì lúc sắp chết, sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sinh.

Trung phẩm thượng-sinh : là bậc vãng giữ được ngũ giới, trì được phép bát quan trai, tu hành mọi giới, không gây nên tội ngũ-ughịch không có các tội lỗi khác, lấy năm lần ấy hồi hướng, nguyện cầu sinh sang cõi đời Cực-lạc bên Tây-phương, thì lúc thác đi, liền được vãng sinh.

Trung-phẩm trung-sinh là bậc giữ được phép bát-quan trai một ngày một đêm, hay giữ được giới Sa-di một ngày một đêm hay giữ được giới Cụ-túc một ngày một đêm, uy nghi trọn vẹn lấy công đức ấy hồi hướng, nguyện cầu sinh sang nước Cực-lạc, nhờ công giữ giới thom tho, thì lúc sắp chết, liền được vãng sinh.

Trung-phẩm hạ sinh, là bậc thiện-nam tín-nữ nào biết hiếu dưỡng cha mẹ, làm việc từ thiện, thì lúc sắp chết, được gặp người thiện-tri-thức nói cho nghe hết các sự sung sướng bên nước đức A-di-đà, cũng nói cho nghe cả 48 điều nguyện của ngài Pháp tạng Tỷ-khiêu (2) nghe rồi thì khi chết đi liền được vãng sinh.

Hạ phẩm thượng-sinh: là người làm nghiệp ác nặng, tuy không phạm tội hủy báng kinh điển Đại-thừa, nhưng hạng người ngu làm nhiều điều ác, không biết tu thiện. Đến khi sắp chết gặp thiện-tri-thức, nói cho nghe những tên đầu-dề 12 bộ kinh

1 Hồi hướng : mình làm được phúc, không nhậu vào mình, lại nguyện cho người. 2 Pháp-tạng tỷ-khiêu : tức đức Di Đà khi còn tu hành ở đời.

dại thừa. Vì nghe được tên các kinh-diễn ấy, trừ sạch được ác-nghiệp rất nặng hàng ngàn kiếp. Người thiện-trí-thức lại bảo cho biết phép chấp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Vì niệm danh hiệu Phật trừ sạch được cái tội sinh-tử hàng 80 ức kiếp mà được vãng sinh.

Hạ-phàm trung-sinh : là người hủy phạm cả ngũ-giới, bát-giới và cụ-túc-giới. Những người ngu như thế, ăn trộm của Tăng-chúng, ăn trộm của liện - tiền-tăng, như-bần mà thuyết-pháp, không biết tội thẹn, chỉ trang-nghiêm mình bằng mọi nghiệp ác. Người có tội ấy, vì nhiều ác nghiệp, đáng phải đọa vào địa-ngục. Lúc mạng sắp chết, lửa các địa-ngục, đồng thời bốc lên. Nhờ có bực thiện-trí-thức, lấy lòng đại-từ-bi tán thán mười sức uy đức cùng sức thần sáng sủa của đức Di-đà lại tán thán những phép giới-định tuệ và giải-thoát, giải-thoát tri-kiến nữa. Người kia nghe đoạn, trừ sạch được cái tội sinh-tử 80 ức-kiếp, liền được vãng sinh,

Ưạ-phàm hạ-sinh : là người làm nghiệp không lành, ngũ-nghiệp, thập ác. đủ cả mọi điều xấu. Người ngu như thế, vì mọi ác-nghiệp, đáng-đọa vào ngũ ác, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô-cùng. Tới lúc sắp chết, gặp người thiện-trí-thức, dùng đủ mọi cách yên ủi, nói cho nghe các phép mẫu, lại bảo cho cả phép niệm Phật. Người kia bị khổ bức bách, không thể niệm Phật Di-đà được. Người thiện-trí-thức lại bảo rằng : Nếu không niệm được Di-đà Phật thì hãy niệm Vô lượng thọ Phật, cứ rốc một lòng niệm luôn mười tiếng Nam mô A-di-đà Phật. Vì niệm đến danh hiệu Phật, trong mỗi niệm luôn đó, trừ sạch được cái tội sinh-tử 80 ức kiếp, đến khi chết đi, liền được vãng sinh.

5. Giảng qua về mấy điều cốt yếu cho người tu Tịnh-độ

Nam mô A-di-Đà Phật,

Thưa các anh em chị em, nay tôi xin nói về lẽ vì sao mà tôi diễn giảng phương pháp tu Tịnh-độ này. Là vì muốn khuyên các anh em chị em cùng tin phép Phật, dốc chí tu hành. Vì sao tôi phải khuyên các anh em chị em cùng tin

phép Phật, dốc chí tu hành? Vì rằng chúng ta sinh ở cõi đời này, lắm điều phiền não, mà chịu tu cho chóng được thành công, thì có thể tới một cõi rất vui, gọi là cõi tây phương Cực-lạc thế-giới. Cái thế-giới ấy, so với cái thế-giới chúng ta ở đây, sung sướng hơn hàng trăm nghìn vạn ức lần kia, sung sướng đến nói cũng không hết kia. Tôi lại trông thấy một phương phép tu hành rất phương-tiện, cho nên tôi phải đem ra mà khuyên các anh em chị em Giã thử các anh em chị em đã hiểu tới cái sung sướng ở cõi tây phương Cực-lạc ấy rồi, thì dù muốn hãm các anh em chị em không cho đi, cũng không hãm được nữa. Lại vì một nỗi những sách dạy cho chúng ta tới cõi Tây-phương Cực-lạc kia, tuy cũng có nhiều, nhưng vì văn-lý cao-thâm, e rằng những người học ít, không sao hiểu được Giảng cần đến phép tu hành, tuy cũng có vô số phép, nhưng ngặt nỗi lắm phép khó khăn, e rằng các anh em chị em nản khó, không chịu tu hành, hay là lúc mới thì bán hờ tu, về sau lại sao lãng hết, cho nên tôi phải lược liệt lấy các phương phép giản-tiện nhất ở trong các kinh Phật, diễn ra lời nói, để cho các anh em chị em nghe, các anh em chị em nghe được dễ hiểu, lại dễ học-tập, tự nhiên chịu khó theo các phương phép giản-tiện mà vui vẻ tu hành. Nay tôi xin đem các phương phép ấy, lần lượt mà kể cho các anh em chị em nghe.

Xưa kia có một vị vua nước Kiêu thi-Ca bỏ dứt ngôi vua, xuất gia tu-hành, theo đức Phật Thế-tự-Tại tu thành quả Phật, gọi là đức A-di Đà Phật, ngài có phát 48 điều nguyện lớn tổ độ hết thảy chúng-sinh bị khổ ở cõi đời (chúng-sinh là nói gồm tất cả các loài có sống có chết ở trên mặt đất) Trong 48 điều nguyện lớn ấy, điều thứ 18 rằng : « Nếu ta thành Phật, thì hết thảy chúng-sinh ở 10 phương thế-giới khổ-não kia, ai hay dốc một lòng thành tín ta và vui thích tới cõi đất nước ta, chỉ cốt rằng để một tấm lòng nghĩ ngợi, bao nhiêu công đức mình tu, đều nguyện tới cõi Tây-phương Cực-lạc, thì đều thành công hết, cho đến chúng-sinh có ít công đức nữa, cũng chỉ cốt niệm đến tên ta mười tiếng, ta cũng tiếp-dẫn về nơi Cực lạc hết. Nếu chúng-sinh đã niệm đến tên ta mười lần, mà vẫn không được tới cõi tây phương Cực-lạc, thì ta nguyện không thành

Phật nữa ». A-di-đà Phật có lòng nguyện lớn như thế mới thành Phật, nên người niệm đến danh hiệu A-di-đà Phật, tự nhiên được nhờ ơn Phật tiếp dẫn họ, sinh sang cõi tây-phương cực lạc vậy. Thế cho nên chúng ta muốn tu cho thành công, cốt nhất là phải niệm A-di-đà Phật. Bằng đã chịu khổ niệm A-di-đà Phật, tự nhiên tu là thành công, chẳng bao giờ hỏng vậy. Bốn mươi tám điều nguyện lớn của đức A-di-đà Phật ấy, đều là chính miệng đức giáo-chủ Thích-ca Mâu-Ny chúng ta đã nói với người trước trong cõi đời ta đó.

Tu thế nào là lúc thành công, đến lúc thế nào mới thực là thành công đây? — Tu cho được sinh sang cõi tây-phương Cực lạc ấy, tức là cái cõi đời đức A-di-đà Phật ở. Cái cõi đời ấy rất là sạch sẽ. Đất cát ở đây, thuần là chất vàng đục nên, các vật ở đây, đều là các giống quý-báu sinh thành cả, thực là tốt đẹp lạ, vì với nơi cung điện của cõi đời ta, còn đẹp hơn gấp nghìn vạn lần. Ở trong cõi tây-phương cực-lạc ấy, bất cứ nơi nào, không có một mây nào dơ dáy cả, cho nên mới gọi là Tịnh-độ 淨土 (đất sạch) nghĩa là một nơi đất cát sạch sẽ vậy.

Vi sao lại bảo rằng tu được sang cõi tây-phương Cực-lạc là được thành công? — Vì rằng chúng ta đã tu được tới cõi tây-phương Cực-lạc thì ai nấy đã được thoát khỏi cái cầu sinh tử (1) đã siêu phàm (2) nhập thánh vậy.

Từ đó cứ lần lần bước mãi lên, không ai là không thành Phật cả.

Vi lẽ gì mà sang cõi tây-phương Cực lạc tất tu thành Phật, sau đây tôi sẽ nói, nay hãy xin đem các cái vui thú ở cõi tây-phương Cực-lạc nói cho các anh em chị em nghe.

Cõi tây-phương Cực-lạc, không những chất đất thuần là vàng mà thôi đâu, ở trong đất ấy, lại có vô số những ao quý báu.

1 Chúng ta sinh ở cõi đời này, chết rồi lại phải đần-sinh; sinh rồi lại phải chết, thoát cầu sinh-tử là không bao giờ bị sinh-tử luân hồi nữa.

2 Siêu phàm nhập-thánh là đã qua cái bậc phàm phu mà bước tới cõi thánh hiền sắp vào cõi Phật vậy.

đường lối đi lại bốn bên ao ấy, đều là do bốn chất quý báu sinh thành ra. Bốn chất quý báu ấy là vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê. Những lâu các ở trong xứ ấy đều làm bằng bảy chất báu đó. Bảy chất quý báu ấy là : vàng, bạc, chân châu, lưu-ly, pha-lê, xà-cừ, mã não. Ao ở xứ ấy gọi là thất-bảo chi, vì rằng chung quanh ao ấy đều là bảy chất quý báu ấy sinh thành. nước ở trong ao ấy gọi là bát-công đức thủy. thơm lạ, ngọt lạ, sạch lạ, uống nước ấy ngon không biết thế nào mà kể cho xiết. Nếu lội vào trong ao ấy mà tắm, ý muốn nước ấy ấm ấm, liền thấy ấm ấm ngay, muốn nước mát mẻ thêm, liền thấy mát mẻ ngay, muốn đầy thì đầy, muốn vơi thì vơi, cái gì cũng tự nhiên vừa lòng thích ý mình cả, ở dưới đáy ao, thuần là vàng cốm, tuyệt không có tí bùn nào cả, lại còn có các thứ hoa sen, đủ các mùi, nở ra các hình rực rỡ, thơm lạ, đẹp lạ, bốn bề quanh co, có đầy cây quý báu giải hàng, các tầng lưới quý báu chum cây san sát, đều là bởi các thứ châu báu sinh thành cả. Trong cây lại tỏa những hơi thơm lạ ra, lại nảy những quả lạ lừng ra, hễ hơi phây phây gió rung động vào cây, liền thành ra những tiếng nghe rất êm ái. các tiếng êm ái ấy dẫn cho mấy trăm nghìn vạn phương nhạc của ta cùng tấu cả lên. cũng không thích tai bằng tiếng ấy. Những tiếng ấy không những nghe thích tai mà thôi đâu trong những tiếng ấy lại là những tiếng giảng về đạo tu hành, khiến cho người nghe thấy là tự nhiên nảy ra lòng niệm Phật kia. Các anh em chị em, nghe có thú không, có lạ không? Ấy là trong muôn vạn phần tôi chỉ kể có một thí chút đó thôi, chứ kể cả ra, thì hàng tháng cũng chưa xiết và cũng không thể lấy lời mà hình-dung được hết vậy.

Nói đến cái gương ở cõi tây-phương Cực-lạc, thật là nhiều lắm. Như là mình muốn ăn gì, tự nhiên thức ấy đến, chẳng mất tiền, chẳng phải đi mua, mà đĩa bát đựng đồ ăn lại cực kì đẹp, cực kì quý, mình muốn dùng đĩa vàng bát bạc, liền thấy đĩa-vàng bát bạc bày ngay trước mắt, ý muốn dùng đồ bằng ngọc, liền thấy đồ bằng ngọc bày ngay trước mặt. Khi nào ăn xong, bát đĩa tự nhiên biến hết, chẳng phiền phải giặt dẹp, mà không ăn chẳng thấy đói, ăn nhiều cũng chẳng thấy

đây, quần áo muốn mặc thứ gì, khác có thứ ấy, mà không mặc không thấy rét, mặc nhiều cũng chẳng thấy nóng tý nào. Khi hậu quanh năm lúc nào cũng như lúc nào, chẳng nóng chẳng rét, cứ một màu ấm áp dễ chịu như mùa xuân. Những đóa hoa trên cây suốt năm tươi đẹp, chẳng rụng mà cũng chẳng bao giờ héo. Đây, các anh em chị em xem, ở cõi đời ta ở đây, có chỗ nào được thú như thế không? Không những không có, mà mơ tưởng cũng không mơ tưởng tới nữa.

Trên kia tôi nói sự đẹp của hoa sen trong các bảo-chi không những chỉ để nhìn ngắm cho thích mắt mà tuổi lâu, lại còn có nhiều đạo-lý nhiệm màu nữa, đề tôi lại kể rõ cho các anh em chị em nghe. Những hoa sen ở trong các ao ấy là vì các chúng sinh trong 10 phương thế-giới phát tâm niệm Phật, kể tiếp liên thanh xưng tụng A-di-đà Phật, bấy giờ sen mới nảy ra. Cứ trên cõi đời này có một người niệm Phật, thì trong ao ở tây-phương cực-lạc mới nở một bông hoa, mà trăm vạn người niệm Phật liền nở ra trăm vạn bông hoa, nếu càng niệm càng rộng lòng tin, thì những bông hoa sen ấy, mỗi ngày một tốt tươi, mãi lên, đến lúc người niệm Phật ấy chết, thì đức A-di-đà Phật và các vị Quán-thế-âm bồ-tát Đại-thế-chí bồ-tát liền đem cái hoa sen do người ấy đã niệm mới nở kia và đem cả hương sen vàng hay bạc đến tiếp dẫn người ấy tới cõi tây-phương cực-lạc rồi. Khi đã đến cõi tây-phương, cái người niệm Phật ấy liền ở trong bông sen chui ra, khi ra khỏi cái hoa sen đã thấy y như các người ở tây-phương cực-lạc ngay, không có giống như giống người ở cõi đời ta cứ nhón dần dần đâu. Nếu người niệm Phật nào, lúc mới thì rất àu cần sốt sắng, mà sau chể nải biếng nhác dần, thì đóa hoa sen ấy nó cũng nhạt dần đi, nếu tiệt hết lòng niệm Phật, thì đóa hoa sen ấy biến mất hẳn đi.

Nội những người ở trong cõi đời tây-phương cực-lạc, suốt năm suốt tháng, chẳng có ốm đau bao giờ, mà cũng chẳng bao giờ chết. Vì rằng những người ở cõi đời chúng ta đây, đều là bởi cha mẹ sinh ra, mới có ốm đau, có chết mất, còn như người ở tây-phương cực-lạc thì đều là ở trong hoa sen nảy ra, khác hẳn những cơ-thể của chúng-ta vậy. T. C.

(còn nữa)

TRÚC-SONG TÙY-BUT

(Tiếp theo số 154)

Lương tri

Ông TÂN-kiến sáng kiến ra cái thuyết lương-tri, đó là vi học-lực và kiến-thức đã tới đến chỗ xấu, mới biết được thế, chứ không phải là cố ý phò-trương để khoe khoang cửa ngõ nhà mình ra vậy. Nhưng có người thích gò cho Nho-Thích cùng nhau, cho lương-tri tức cũng như nghĩa chân-tri của Phật, thế là chưa đúng. Sao vậy ? Vì rằng hai chữ lương-tri nguyên là của họ Tử-dư nói ra, Nay đem ba phép so sánh của tôn duy-thức mà so sánh, thì lương tri là tôn, không nghĩ mà biết là nhân, trẻ con thơ bé, không đứa nào không biết yêu cha mẹ kính người trên là dụ. Vậy thì biết lương tức là tốt đẹp, là tự nhiên mà biết, chứ không phải là tạo-tác ra vậy. Song cái lòng biết yêu biết kính đó cũng đã là sen lẩn vọng-lâm đi lâu rồi, có phải là cái tâm chân thường lặng yên chiếu tỏ đâu. Chữ chân với chữ Lương, cần phải biện rõ

Lời bàn gộp. Nhà nho nói lương-tri là nói về cái tính lành của người, nhưng còn cần phải làm cho đến cùng chỗ lương-tri (chí lương tri) nữa mới là hoàn toàn. Chân-tri của Phật tức là một bậc cùng tốt, đã do cái công « chí lương tri » bao khắp, để trừ sạch nhân xấu trở lại cái chỗ nguyên vẹn đầy đủ, sáng láng, thanh tịnh vui sướng kia, đem lương-tri mà bảo là chân-tri, tức là mới biết được cái thức thứ tám, chứ chưa biết được cái thức thứ chín vậy.

Tinh thần của tâm là thánh

Ông Khổng-tùng-tử nói rằng : « tinh thần của tâm ấy là thánh ». Ông Dương-từ-hồ, cả đời lấy câu đó làm tòa-chỉ. Thuyết ấy đối với cái thuyết lương-tri thế nào? có hợp với chỗ chân-tri của Phật chăng ? Thưa rằng : « Cái thuyết tinh-hần thô-thiển hơn cái thuyết lương-tri, đều là sống ở trên nước cá, sao được là chân-tri ư ?

Vả lại, hai chữ tinh-thần, nói tách ra đều có ý-chỉ riêng, nói hợp lại tức là tinh-hồn thân-thức vậy ». Người xưa có câu nói rằng : « Cõi dễ sinh tử bao nhiêu kiếp, người si lại nhận là người nguyên » chính là nghĩa thế.

Lặng cảm

Ông Từ-hồ là nhà có học Nho, sao không xem ngay lời Khổng-phu-tử nói ư ? « Giữ thời còn, bỏ thời mất, ra vào không có chừng, không ai biết là đâu » thế thì tiến được vào nơi tinh-thần rồi lại tiến được cả vào nơi lươg-tri rồi vậy ». Thế tức là đúng với chỗ chân-tri của Phật rồi ư ? Thưa : cũng chưa được. Chân nó không có còn có mất, chân nó không có ra có vào. Không ai biết là đâu mới là tựa tựa được, nhưng vẫn còn là chưa vạch iược hoàn-toàn vậy. Khổng-phu-tử lại nói rằng : « Không nghĩ gì, không làm gì, lặng yên bất động, cảm đến liền xuất hết lẽ trong thiên hạ » diệt hết mối nghĩ sự làm r vào cõi lặng bất thế, là không ai biết là đâu vậy. Nếu không có câu sau chốt thì thành ra đoạn diệt, đoạn diệt thì không còn biết gì nữa vậy. Bảo rằng xuất hết lẽ trong thiên hạ, nếu không có ba câu trên thì thành ra loạn tướng, loạn tướng tức là biết sáng vậy. Lặng yên mà thông suốt, ấy tức là chân-tri vậy. Nhưng nói như thế là nói về nghĩa kinh dịch, chứ không phải là bàn về tâm người ta chỉ cho là thuộc về quẻ bói thì mà thôi. Bởi thời chưa đến cơ chưa chín, Khổng-phu-tử hơi lộ ra mà gửi vào kinh dịch, khiến cho người ta tự tu tự chừng lấy được vậy. Ôi! đáng phục Khổng-phu-tử, thực là một vị khéo nói cái tâm lắm vậy, đáng tin Khổng-phu-tử thực là Nho-lãng bỏ-tát vậy. Như thế cứ học sách nho cũng đủ hiểu sinh-tử, còn phải học Phật làm gì ? — Đối với cái lý mẫu nhiệm này, trong ba tạng chỗ nào Phật cũng nói, còn trong sách nho, thì trong trăm nghìn căn mới ngẫu nhiên có một. Khổng-phu-tử không phải là không biết, nhưng phép của ngài là phép chủ trương về mặt thế gian, còn đức Thích-ca tá thì chủ trương về

phép vượt ra khỏi thế gian. Tâm tuy chỉ có một, mà cách thức giáo hóa mỗi nhà một khác; học nhà nào cứ theo cửa nhà ấy mà vào mới được.

Lời bàn góp : Hiện tại các nhà có trí thức đối với học thuyết Đông-phương phần nhiều chủ trương hai thuyết. Một thuyết tin Phật thì cho đạo Phật là đạo cao siêu tuyệt vời, vượt hẳn ra ngoài thế-gian, giắt dẫn được người ra ngoài, đi lối cái đích thành tựu viên mãn, mà cho đạo Khổng là thấp hẹp, chỉ bó chặt trong cầu sinh tử thế-gian, không biết đến chỗ chầu như riệu dụng; Một thuyết tin Khổng, cho đạo Khổng là đạo thiết thực, có ích lợi ngay đến thảo tâm và gia đình xã hội chỉ có đạo Khổng là cứu được cái nạn rối ren trầm hại trong cõi đời này, mà cho đạo Phật là hư huyền cao quá, tuy nghĩa lý nhiệm mầu mà không có sự thực tế giúp ích cho đời ngay.

Cứ xét hai thuyết trên, thì thuyết nào cũng có chỗ hay cả, nhưng bàn đến chỗ cứu-kính thì đời chưa hề nghiệm được cái bản-chỉ của Phật với Khổng cả.

Đạo Khổng chủ-trương về nhân-thừa, nghĩa là hãy giáo-hóa cho người thành người đã; Hãy lối cho người đang hám-thích say-đắm mà sửa lại cho có chặt tự, có thống hệ đã, khi nào tu học đã được đến bậc cao thâm, làm nên con người hoàn-toàn nhân cách đã bấy giờ mới cho tu học vào chỗ thâm huyền. Như Tứ-thư trừ Trung-dòng. Ngh-kính trừ Chu-dịch, đều là phép dạy chú trọng vào nhân thừa cả. Còn trung-dong và Chu-dịch thì giải thích hết lẽ u-huyền bí-áo của tạo hóa, từ lẽ vũ-trụ thành hoại, nhân-sự cát-bung cho đến chân-tâm chân-tính của người và những sự cảm thông của quý-thần, không còn sót một lẽ gì nữa. Xem ngay một đoạn vạch-tỏ chân tâm mà tử Văn-thê đã dẫn ở trên cũng đủ chứng rõ rằng cái chỗ cùng cao cực thâm của Phật, Khổng-phu-tử cũng biểu xuất cả, cũng chứng ngộ cả, mà vì căn cơ của chúng-sinh đa số là thấp kém, làm người chưa xong, nên ngài phải chú trọng

vào môn giáo-hóa người mà thôi, không phải đạo Khổng là thấp hẹp vậy.

Họo Phật có năm phép giáo-hóa chung, gọi là ngũ-thừa cộng-pháp, cũng lấy người làm căn-bản mà chỉ rõ cái đích phải đi thẳng một mạch từ người đến thiên đến thanh-vấn duyên-giác, đến hồ-tát mà chứng quả Phật-Giáo pháp của Phật, tuy lấy người làm bản-vị, nhưng kinh dạy về luân-thường thế-gian cũng chiếm một phần lớn trong ba tạng, nhưng bản ý Phật thì cốt chỉ rõ cho người hiểu rằng làm người, làm thiên, cho chí thanh-vấn duyên giác, cũng còn là có chỗ khuyết điểm, chưa thật giải-thoát hết mà chưa thể cứu độ được chúng-sinh khỏi nơi bề khổ, cho nên Phật dạy người ta phải tu cho đến thành Phật, mà thành Phật đó, cũng là cái ngôi của người sẵn có, chứ không phải là cái ngôi riêng của một hạng nào, nghĩa-lý tuy cực thâm-huyền mà rút lại chính là rất thiết-thực, vì theo giáo-pháp thế-gian, dù cho được viên-mãn cái công giáo-hóa, khiêu cho ai nấy đều sung-sướng, vạn sự như ý cả, cũng vẫn là rắc chiem bao giả dối, vì cái giả cái ốm cái chết nó có tha ai, thế cho nên phải tu cho vào cõi Phật mới được hưởng bốn cái thú chân-thường chân-lạc chân-ngã chân-tịch, không bao giờ sa đọa nữa. Như vậy thì bảo đạo Phật là hư-huyền sao được.

Cứ như ngu ý của tôi thì người học đạo Khổng biết được đạo làm người rồi, lại tiến dần lên những cõi hy-thánh hy-hiền, thì theo Khổng cũng sẽ được tới cõi giải-thoát; mà người học đạo Phật biết rõ Phật-pháp cũng tu từ nhân-thừa, lo sao cho trọn đạo con người trước, rồi tiến lên đến Phật-thừa thì bước bước nào vững bước ấy thân tự tiến lên, lo trọn luân lạc, lại dễ độ cho đời không lạc vào đường vu-khoát hão-huyền thì ai dám bảo là người chán đời vô dụng được. Nói tóm lại cứ trong chính đạo chỉ có người tu sai đạo, chứ không có đạo làm sai người, cốt ở chỗ phát-tâm lập-chí cùng tinh-tiến tu hành mà thôi. (còn nữa)

THỜI SỰ

ÂU CHÂU

Mấy tuần nay tại Âu-châu đã xảy ra mấy việc lớn như sau này : Đức dùng máy bay thả quân nhảy dù xuống đánh được đảo Crête là một quân cảng rất quan-trọng để đánh Suez và Ai-cập, quân Anh bị thua. Quân anh đã thắng ở Irar, quân Ira đã phải xin hòa. Hiện nay tại Đông-phi quân Anh và quân Đức Ý đang đánh nhau rất kịch-liệt, thắng phụ chưa quyết.

Anh đã kéo quân cùng phái Degaul đánh ba mặt vào Syrie là thuộc-địa của Pháp ở Phi-châu. Quân Pháp trông cự rất kịch-liệt, hiện nay hai bên vẫn đánh nhau dữ ở khắp mặt trận. Ngày 22-6 41 Quân Đức đã vượt sang biên-giới Nga để đánh Nga. Quốc-trưởng Đức đã bước tới Nga làm hại ngấm Đức tại Ba-nhĩ-cán.

MỸ CHÂU

Hoa-kỳ đã hạ lệnh đóng cửa tất cả sứ-quán của Đức của Ý tại Hoa-kỳ. Đức Ý cũng trả lời lại bằng cách đóng cửa các sứ-quán của Hoa-kỳ, tại Đức Ý và các nơi thuộc Đức Ý, tình-thế sắp đến lúc quyết liệt.

Á CHÂU

Nhật vẫn dùng máy bay đánh phá các nơi hạt Quế dương và các nơi Quân-sự của Chính-phủ Trung-khánh, Uông tinh-Vệ, hành chánh viện-trưởng Nam-kinh đã cùng các quan tùy tùng sang Nhật, được Nhật hoàng tiếp đãi rất long trọng và dân Nhật hoan hô nhiệt-liệt.

Cuộc điều đình Nhật và Nam-dương quân đảo đã quyết tuyệt, chính phủ Nhật đã hạ lệnh cho các phái-viên Nhật đến 29 6 41 này thì xuống tàu về nước vì hai bên không đồng ý nhau

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN
TRUNG - ƯƠNG

Mme Ký-Bài, Bắc-ninh	1\$00
Mme Ký-Quy, Bắc-ninh	1.00
Mme Độ, Bắc-ninh	1.00
Mme Cau, Bắc-ninh	0.50
Mme Phúc-Thanh, Bắc-ninh	0.50
Mme Ngô-năng-Tiến	2.00
Mme Đặng-thị-Lương, 32 Nguyễn-trãi Hanoi	2.00
Mme Phạm-huy-Quát, 22 Hàng trống Hanoi	1.00
Mme Vũ-tá-Nhi 54 Rue de Reims, Saigon	5\$00
Mme Nghĩa, 51 Rue de Reims, Saigon	5 00
Mme Phạm-thị-Thuận, 4 Rue Lamare, Tân an Căntho	5.00
Mme Tôn-nữ-thị-Xuân tức cụ Bồ chánh Quảng nam	5.00
M. Nguyễn-đình-Dương, 108 Jules Ferry Hanoi	5.00
M Nguyễn-Đình-Trước-108 Jules Ferry Hanoi	5 00
Mme Phúc-mỹ, 62 Hàng đào Hanoi	1.00
Mme Nguyễn-thị-Phụng, Hải dương	1.00
Mme Nguyễn-thị-À Kim lữ Hadong	2.00
Vô-danh	6.00
Cụ Việt-Long buôn bán Nam-định	3.10
Cụ Trần-thị-Xiêu hiệu diệu Hòa, buôn bán Nam định	2 00
Cụ Hiệu Tiến-Vinh, Nam-định	1.00
Bà Lương-thị Quân, buôn bán, Nam-định	2.00
Hiệu Chấn-Long, Nam-định	3.00
Cô Nguyễn-thị-Hương buôn bán, Nam-định	2 00
Hiệu Quảng-Long, Nam-định	3.00
Bà Ngô-thị Xường, buôn bán, Nam-định	2 00
Bà Quảng-nguyên, Nam-định	1.00
Ông Phạm-văn-Lưu, giáo-học Nam-định	1.00
Hiệu Quảng-thành, Nam-định	1.00
Bà Phú-thị, Nam-định	1.00
Cô giáo Quảng, Nam-định	1 00
Cụ Mỹ-Lai, Nam-định	2 00
Hiệu Hoà-trường, Nam,định	5 00

Cô Cúc, buôn bán, Nam-định	1\$00
Hiệu Quảng-văn, Nam-định	3.00
Ông Thành quý, thầu khoán, Nam-định	2.00
Ông Trần-văn-tám Nam-định	1.00
Ông Bát Vãn, Nam-định	2.00
Bà Phủ-tạo, Nam-định	5.00
Ông Trần-trung-Xuân, Nam-định	1.00
Bà Đốc-Ninh, Nam-định	1.00
Bà Chuẩn-hưng, Nam-định	2.00
Hiệu Thái-lai, Nam-định	3.00
Hiệu Thụy-yến, Nam-định	3.00
Ông Quan-chước-nang, Nam-định	2.00
Mme Ve Francois Diêu, Nam-định	1.00
Ông Nguyễn-như-lịch, Nam-định	2.00
Ông Nguyễn-trung-Trực Nam-định	2.00
Hiệu Phú-lai, Nam-định	3.00
Ông Nguyễn-văn-hữu, Nam-định	2.00
Mme Ru-Khánh Ninh-bình	1.00
Mme Vĩnh-thái, Ninh-bình	1.00
Hiệu Tài-niên-đường, Nam-định	1.00
Ông Cầm-giang, Nam-định	1.00
Ông Phúc-Vãn, Nam-định	3.00
Ông Trần-hải-Nhâm, Nam-định	1.00
Mme Ngô Đắc, Nam-định	1.00
Bà Hàn Ba, Nam-định	1.00
Bà Trần-thị-Thọ, Nam-định	1.00
Cô Trần-thị-Không, Nam-định	1.00
Cụ Mỹ-hữu-Trương, phố hàng giấy, Nam-định	50.00
Cụ Thuận-ích, Nam-định	10.00
Cụ Vĩnh-xương, Nam-định	2.00
Mme Thần, Nam-định	1.00
Hiệu Nhạn-hòa, Thanh-hóa	3.00
Hiệu Weng-lac Phon Nam-định	2.00
Hiệu Thái-thành Nam-định	2.00
Ông Tsieng-khy-San, Nam-định	5.00
Hiệu Quảng-đức-lợi, Nam-định	1.00

Bà Doãn Vãn, buôn bán, Nam-định	2.00
Ông Đình Sĩ-Tý, Nam-định	1.00
Bà Nguyễn-thị Huyền, Nam-định	1.00
Bà Bà Ngẫu Nam-định	1.00
Bà Sy, Nam-định	1.00
Ông Đình-Dur, buôn bán, Ninh-bình	1.00
Cu giáo Ninh, Nam-định	1.00
Hiệu Phúc-thành Nam-định	1.00
Cu Thanh-đại, Nam-định	2.00
Mme Bá Thanh, Nam-định	2.00
Mme Phong-Thái, Nam-định	1.00
Mme Phan-Trạch, Nam-định	1.00
Mme đồng Thiên-quang, Nam-định	1.00
Bà Ích-lợi, Nam-định	0.40
Mme Liên-Thái, Nam-định	3.00
Mme Hưng-thái, Nam-định	1.00
Mme Hà-quang-Ký, Nam-định	0.80
Mme Thiên-thành, Nam-định	1.00
Mme hai Trạch, Nam-định	1.00
Mme Phủ Nguyễn, Thanh-hóa	3.00
Mme Phúc-Thái, Thanh-hóa	2.00
Mme Trường, Nam-định	1.00
Mme, Minh Nam-định	1.00
Mme Dãn, Nam-định	1.00
Bà Hàn Thiên, Nam-định	1.00
Ông Lã-Vân, Nam-định	1.00
Mme Hưng, Nam-định	1.00
Mme Đình-nguyên, Nam-định	1.00
Mme cả Hy, Nam-định	1.00
Mme Phúc-ký, Nam-định	1.00
Mme Phúc nam-Hưng Nam-định	1.00
Mme Đồng Ca, Nam-định	1.00
Mme phan Kịch, Nam-định	1.00
Mme Quang thịnh, Nam-định	1.00
Mme Cát-tường, Nam-định	0.50
Mme Ứng, Nam-định	0.50

Giới thiệu cùng các sư Tăng-ny

Nhà chùa dùng dầu lạc làm món ăn hàng ngày, nếu dùng phải dầu lạc xấu hoặc pha dầu dừa thì rất có hại cho cơ thể và khan tiếng, khan giọng, vì dầu lạc xấu và dầu dừa chỉ hay dùng nấu xà phòng.

Dầu lạc tốt dùng thắp đèn, ngọn sáng trong và thơm, nếu dùng phải dầu xấu hoặc pha dầu dừa, ngọn mờ mùi rất khó chịu.

Bản hiệu rất có cảm tình với các nhà tu hành, nên có tờ báo cáo này, bản hiệu chuyên buôn dầu lạc tốt nhất hạng, không có pha phách gì, dù nhà chùa đến mua một thùng bản hiệu cũng tính theo giá bán buôn. **CHI FÁT CÔNG-TY**

Số 8, Phố Hàng Ngang - Hanoi

Kính bạch

Nên đòi mua cho được dầu lạc có dấu hiệu Chi-Fát công-ti mới là dầu thật tốt nhất hạng, nguyên chất.

KHÂN CÁO

Không phải nói các ngài cũng hiểu hết những nông nỗi ra được tờ báo tạp sách bây giờ khó biết là nhường nào rồi! Đuốc-Tuệ vì cái nghĩa vụ boảng pháp, tiền báo không tăng một chút nào, lại lo sắp đặt in toàn chữ mới, để làm món quà quý giá cho các quý độc giả. Thế mà còn có nhiều ngài đã hai năm nay không trả tiền cho, thật là phụ với tấm lòng trông cậy của Bản-báo không ngờ tới. Vậy Bản-báo mong rằng. Vì nào chưa giả tiền xin kịp gửi về cho

kính cáo

Đuốc Tuệ

IMP. ĐUỐC-TUỆ

Quản-ly CUNG-ĐÌNH-BÌNH